|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH** |  |

**BẢNG SO SÁNH DỰ THẢO LUẬT**

| **STT** | **Điều, khoản, điểm** | **Nội dung quy định hiện hành** | **Nội dung sửa đổi, bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Luật Đấu thầu (36 nội dung)** | | |
| 1 | Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  …  2. Hoạt động lựa chọn nhà thầu để thực hiện:  a) Các gói thầu thuộc dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;  b) Gói thầu trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật, máy móc, thiết bị hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp nhà nước; | **Điều 2. Đối tượng áp dụng**  …  2. Hoạt động lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư ***công sử dụng từ 50% vốn đầu tư công trở lên trong tổng mức đầu tư*** của dự án đầu tư của doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp và doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. |
| 2 | Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 7 Điều 3; bổ sung điểm h và điểm i vào sau điểm g khoản 7 Điều 3 | **Điều 3. Áp dụng Luật Đấu thầu, pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài**  …  7. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong các trường hợp sau đây:  …  d) Lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật này; lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã ký hợp đồng; | **Điều 3. Áp dụng Luật Đấu thầu, pháp luật có liên quan và điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài**  …  7. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong các trường hợp sau đây:  …  d) Lựa chọn nhà thầu ***thực hiện gói thầu*** để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, duy trì hoạt động thường xuyên ***và lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu thuộc dự án đầu tư công sử dụng dưới 50% vốn đầu tư công trong tổng mức đầu tư của dự án và dự án đầu tư khác*** của doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; ***hoạt động lựa chọn nhà thầu thực hiện dự án đầu tư, dự toán mua sắm không sử dụng ngân sách nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên, chi đầu tư và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên***; lựa chọn nhà thầu để thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều 2 của Luật này; lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã ký hợp đồng;  ….  ***h) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phần kinh phí được giao khoán của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;***  ***i) Mua sắm hàng hóa, dịch vụ để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp thông qua mua trực tiếp từ hộ gia đình, cá nhân.*** |
| 3 | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4, khoản 6 Điều 4; | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  1. *Bên mời thầu* là cơ quan, tổ chức thực hiện các hoạt động đấu thầu, bao gồm:  a) Chủ đầu tư hoặc tổ chức do chủ đầu tư quyết định thành lập hoặc lựa chọn;  b) Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.  …  4. *Dịch vụ tư vấn* là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; tư vấn đấu thầu; tư vấn thẩm tra, thẩm định; tư vấn giám sát; tư vấn quản lý dự án; tư vấn thu xếp tài chính; kiểm toán và các dịch vụ tư vấn khác.  …  6. *Dự án đầu tư* (sau đây gọi là dự án) bao gồm: chương trình, dự án đầu tư xây dựng mới; dự án mua sắm tài sản; dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng; dự án, nhiệm vụ, đề án quy hoạch; hỗ trợ kỹ thuật; các chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật. | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  1. *Bên mời thầu* là cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền quyết định tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.  …  4. *Dịch vụ tư vấn* là một hoặc một số hoạt động dịch vụ bao gồm: lập, đánh giá báo cáo quy hoạch, tổng sơ đồ phát triển, kiến trúc; khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật, báo cáo đánh giá tác động môi trường; khảo sát, lập thiết kế, dự toán; tư vấn đấu thầu; tư vấn thẩm tra, thẩm định; tư vấn giám sát; tư vấn quản lý dự án; tư vấn thu xếp tài chính; kiểm toán; ***xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ*** và các dịch vụ tư vấn khác.  …  6. *Dự án đầu tư* (sau đây gọi là dự án) bao gồm: chương trình, dự án ***theo quy định của pháp luật, bao gồm cả*** nhiệm vụ, đề án quy hoạch. |
| 4 | Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 6 | **Điều 6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu**  1. Nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:  …  d) Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó và trừ trường hợp quy định tại khoản 4a Điều này; | **Điều 6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu**  1. Nhà thầu nộp hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với các bên sau đây:  …  d) Chủ đầu tư, trừ trường hợp: nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó; ***đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý, góp vốn và các đơn vị sự nghiệp công lập có cùng một cơ quan trực tiếp quản lý*** và trừ trường hợp quy định tại khoản 4a Điều này. |
| 5 | Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 1 Điều 10; bổ sung điểm i vào sau điểm h khoản 1 Điều 10 | **Điều 10. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**  1. Đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu bao gồm:  …  g) Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật; | **Điều 10. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**  1. Đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu bao gồm:  …  g) Nhà thầu là doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, ***trung tâm đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, tổ chức khoa học và công nghệ, trung tâm nghiên cứu và phát triển*** theo quy định của pháp luật; ***doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực công nghệ số***;  …  ***i) Sản phẩm đổi mới sáng tạo xuất xứ Việt Nam; sản phẩm, dịch vụ công nghệ số đáp ứng tiêu chí sản xuất trong nước theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.*** |
| 6 | Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 10 | **Điều 10. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**  …  2. Các ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu bao gồm:  …  d) Được ưu tiên trong đánh giá về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và các tiêu chí khác trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu; | **Điều 10. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**  …  2. Các ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu bao gồm:  …  d) Được ưu tiên trong đánh giá về ***tư cách hợp lệ***, năng lực, kinh nghiệm và các tiêu chí khác trong quá trình đánh giá hồ sơ dự thầu; |
| 7 | Bổ sung điểm g vào sau điểm e khoản 3 Điều 10 |  | **Điều 10. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**  3. Việc áp dụng ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:  …  ***g) Đối tượng quy định tại điểm i khoản 1 Điều này được hưởng ưu đãi theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều này khi tham dự thầu gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp tổ chức đấu thầu trong nước.*** |
| 8 | Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 4 Điều 10 |  | **Điều 10. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**  4. Đối tượng được hưởng ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:  …  c) Nhà đầu tư là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp sở hữu hoặc có bản quyền công nghệ chiến lược. |
| 9 | Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 5 Điều 10 |  | **Điều 10. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**  5. Các ưu đãi trong lựa chọn nhà đầu tư bao gồm:  …  c) Nhà đầu tư thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 4 Điều này được ưu tiên trong đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và tiêu chí khác trong quá trình đánh giá hồ sơ đăng ký thực hiện dự án, hồ sơ dự thầu. |
| 10 | Bổ sung khoản 3 và khoản 4 vào sau khoản 2 Điều 11 |  | **Điều 11. Đấu thầu quốc tế**  3. Đối với dự án đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, người có thẩm quyền quyết định áp dụng đấu thầu trong nước hoặc đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp áp dụng đấu thầu trong nước, nhà đầu tư trong nước được liên danh với nhà đầu tư nước ngoài hoặc sử dụng đối tác là nhà thầu nước ngoài để tham dự thầu; nhà đầu tư trong nước phải là thành viên đứng đầu liên danh.  4. Đối với gói thầu của dự án thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tổ chức đấu thầu trong nước, nhà thầu trong nước liên danh với nhà thầu nước ngoài hoặc sử dụng nhà thầu phụ là nhà thầu nước ngoài để tham dự thầu, nhà thầu trong nước phải là thành viên đứng đầu liên danh. |
| 11 | Bãi bỏ điểm c khoản 10 Điều14 | **Điều 14. Bảo đảm dự thầu**  …  10. Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại khoản 9 Điều này, khoản 6 Điều 68 và khoản 4 Điều 75 của Luật này thì việc quản lý, sử dụng khoản thu từ bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả được thực hiện như sau:  …  c) Trường hợp bên mời thầu là đơn vị tư vấn đấu thầu do chủ đầu tư lựa chọn thì khoản thu này phải nộp lại cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư quản lý, sử dụng khoản thu này theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này. | ***(được bãi bỏ)*** |
| 12 | Sửa đổi, bổ sung Điều 23 | **Điều 23. Chỉ định thầu**  1. Chỉ định thầu được áp dụng trong các trường hợp sau đây:  a) Gói thầu cấp bách cần triển khai nhằm mục tiêu bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; gói thầu cần thực hiện để khắc phục ngay hoặc để xử lý kịp thời hậu quả gây ra do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, sự cố, thảm họa hoặc sự kiện bất khả kháng khác;  b) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hoá, xây lắp cần triển khai ngay để tránh gây nguy hại đến tính mạng và tài sản của cộng đồng dân cư trên địa bàn hoặc để không ảnh hưởng nghiêm trọng đến công trình liền kề;  c) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện, phương tiện, xây lắp, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng, hóa chất sát trùng, vật tư cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp nhằm duy trì hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cấp bách, tránh gây nguy hại đến tính mạng, sức khỏe người dân; gói thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện để cấp cứu người bệnh trong tình trạng cấp cứu theo quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không có đủ thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện; gói thầu mua thuốc, thiết bị y tế chỉ có duy nhất một hãng sản xuất trên thị trường;  d) Gói thầu cần thực hiện để bảo vệ bí mật nhà nước;  đ) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền mà không thể mua được từ nhà thầu khác; gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn phải mua từ nhà thầu đã thực hiện trước đó hoặc từ hãng sản xuất, đại lý của hãng sản xuất do cần bảo đảm tính tương thích về công nghệ, bản quyền với các trang thiết bị, máy móc, phần mềm, dịch vụ sẵn có hoặc do các điều kiện bảo hành của nhà thầu, hãng sản xuất mà không thể mua được từ nhà thầu khác, hãng sản xuất khác;  e) Gói thầu có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm, mua bản quyền sở hữu trí tuệ, mua bản quyền chương trình phát sóng; gói thầu vận chuyển hàng dự trữ quốc gia để cứu trợ, viện trợ trong trường hợp phải giao hàng ngay;  g) Gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng được chỉ định cho tác giả của phương án kiến trúc trúng tuyển khi tác giả đó có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật về xây dựng; gói thầu thi công xây dựng, phục chế tượng đài, phù điêu, tranh hoành tráng, tác phẩm nghệ thuật gắn với quyền tác giả từ khâu sáng tác đến thi công công trình; gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn lập quy hoạch đô thị và nông thôn được chỉ định cho tác giả của ý tưởng quy hoạch đô thị và nông thôn đã trúng tuyển thông qua thi tuyển; gói thầu tư vấn thăm dò, khai quật khảo cổ; gói thầu tư vấn, thi công tu bổ, phục hồi di tích cấp quốc gia, di tích cấp quốc gia đặc biệt và di sản văn hóa thế giới;  h) Gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng; gói thầu tư vấn, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công;  i) Gói thầu chỉ có duy nhất một nhà thầu thực hiện được trên thị trường do yêu cầu về giải pháp công nghệ; gói thầu mua sắm sản phẩm là kết quả của nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do doanh nghiệp trong nước tạo ra trong các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược; gói thầu mua sắm sản phẩm, dịch vụ số để đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia, gói thầu thuộc các nhiệm vụ, dự án, hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin để thực hiện nhiệm vụ chính trị theo chỉ đạo tại Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; gói thầu mua các bí mật công nghệ, thuê tổ chức, chuyên gia tìm kiếm, tiếp cận, nghiên cứu, giải mã công nghệ tiên tiến của nước ngoài;  k) Gói thầu thuộc dự án quan trọng quốc gia được áp dụng hình thức chỉ định thầu theo Nghị quyết của Quốc hội khi quyết định chủ trương đầu tư dự án;  l) Gói thầu thuê kho lưu giữ hàng tạm giữ; gói thầu thuê vận chuyển, bốc xếp hàng tạm giữ tại các cảng biển, địa điểm kiểm tra hàng hóa tập trung trong trường hợp chỉ có duy nhất một đơn vị cung cấp dịch vụ trong cảng; gói thầu nhập khẩu vũ khí thể thao phục vụ các câu lạc bộ, trường, trung tâm đào tạo huấn luyện thể thao tập luyện, thi đấu hằng năm;  m) Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 300 triệu đồng; gói thầu thuộc dự án có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, không quá 01 tỷ đồng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp; gói thầu lập nhiệm vụ quy hoạch có giá gói thầu không quá 500 triệu đồng.  Trường hợp cần điều chỉnh hạn mức quy định tại điểm này để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và yêu cầu quản lý nhà nước, giao Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định.  2. Đối với gói thầu quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này, chủ đầu tư quyết định, chịu trách nhiệm việc chỉ định thầu theo quy trình rút gọn cho nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu bao gồm các bước sau: chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu; hoàn thiện hợp đồng; trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.  3. Việc thực hiện chỉ định thầu đối với gói thầu quy định tại các điểm d, đ, e, g, h, i, k, l và m khoản 1 Điều này phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:  a) Có quyết định đầu tư được phê duyệt đối với dự án, trừ gói thầu tư vấn phục vụ công tác chuẩn bị dự án; có quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đối với gói thầu tư vấn lập quy hoạch và các gói thầu phục vụ công tác lập quy hoạch, trừ trường hợp gói thầu cần thực hiện trước khi phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và trường hợp không phải phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch;  b) Có kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt;  c) Đã được bố trí vốn để thực hiện gói thầu;  d) Có dự toán được phê duyệt theo quy định, trừ gói thầu EP, EC, EPC, gói thầu chìa khóa trao tay.  4. Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 50 triệu đồng, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu, không phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hoá đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật.  5. Việc chỉ định thầu phải được thực hiện trong thời hạn không quá 45 ngày kể từ ngày phê duyệt hồ sơ yêu cầu đến ngày ký kết hợp đồng; trường hợp gói thầu có quy mô lớn, phức tạp không quá 90 ngày.  6. Trường hợp gói thầu quy định tại khoản 1 Điều này đáp ứng điều kiện chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này nhưng vẫn có thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác quy định tại các điều 21, 22, 24 và 25 của Luật này thì khuyến khích người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức khác để lựa chọn nhà thầu.  7. Chính phủ quy định chi tiết điểm c khoản 1 Điều này. | **Điều 23. Chỉ định thầu**  ***1. Chỉ định thầu được áp dụng đối với các gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm cần thực hiện trong trường hợp: cấp bách, khẩn cấp, cần triển khai ngay; thực hiện để bảo vệ bí mật nhà nước; thuộc dự án quan trọng quốc gia theo Nghị quyết của Quốc hội; đảm bảo về tính tương thích về công nghệ, bản quyền; quyền tác giả; có tính chất nghiên cứu, thử nghiệm; mua bản quyền; phục vụ giải phóng mặt bằng hoặc chuẩn bị mặt bằng thi công; chỉ có duy nhất một nhà thầu hoặc nhà sản xuất cung cấp hoặc đáp ứng; dự trữ quốc gia; tu bổ, phục hồi di tích; gói thầu trong hạn mức áp dụng và các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.***  ***2. Chính phủ quy định chi tiết về các trường hợp chỉ định thầu, điều kiện chỉ định thầu và quy trình thực hiện chỉ định thầu. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế.*** |
| 13 | Sửa đổi, bổ sung Điều 24 | **Điều 24. Chào hàng cạnh tranh**  Chào hàng cạnh tranh được áp dụng đối với gói thầu có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng thuộc một trong các trường hợp sau đây:  1. Gói thầu dịch vụ phi tư vấn thông dụng, đơn giản;  2. Gói thầu mua sắm hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường với đặc tính kỹ thuật được tiêu chuẩn hóa và tương đương nhau về chất lượng;  3. Gói thầu xây lắp công trình đơn giản đã có thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt;  4. Gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp, trong đó nội dung xây lắp đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này. | **Điều 24. Chào hàng cạnh tranh**  ***1. Chào hàng cạnh tranh được áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, cung cấp dịch vụ phi tư vấn, xây lắp, hỗn hợp theo hạn mức do Chính phủ quy định.***  ***2. Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, không bắt buộc đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.*** |
| 14 | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 29 | **Điều 29. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt**  1. Việc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có một hoặc một số điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng hoặc khi triển khai thực hiện có yêu cầu phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật này. | **Điều 29. Lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt**  1. Việc lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có một hoặc một số điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng hoặc khi triển khai thực hiện có yêu cầu phải bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia, ***có yêu cầu đặc thù về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*** mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu quy định tại các điều 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27 và 28 của Luật này. |
| 15 | Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 1 Điều 30 | **Điều 30. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ**  1. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:  a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp. Trường hợp gói thầu đáp ứng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật này thì được lựa chọn áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ hoặc một giai đoạn hai túi hồ sơ;  b) Chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp; | **Điều 30. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ**  1. Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:  a) Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp. Trường hợp gói thầu đáp ứng quy định tại điểm b ***và điểm c*** khoản 1 Điều 31 của Luật này thì được lựa chọn áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ hoặc một giai đoạn hai túi hồ sơ;  b) Chào hàng cạnh tranh đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp; |
| 16 | Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1 Điều 31 |  | **Điều 31. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ**  1. Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong các trường hợp sau đây:  …  ***c) Đấu thầu rộng rãi đối với gói thầu trong lĩnh vực công nghệ, viễn thông; gói thầu có nội dung thuộc danh mục công nghệ chiến lược do Thủ tướng Chính phủ ban hành.*** |
| 17 | Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 34 |  | **Điều 34. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư**  …  ***2a. Chỉ định nhà đầu tư:***  ***a) Chỉ định nhà đầu tư được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh cần thực hiện trong các trường hợp: dự án thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia mà nhà đầu tư đề xuất dự án là doanh nghiệp sở hữu, có bản quyền công nghệ chiến lược; dự án cần tiếp tục lựa chọn doanh nghiệp trước đó đã triển khai hạ tầng, nền tảng số nhằm bảo đảm đồng bộ, kết nối hạ tầng, nền tảng số và dự án đầu tư kinh doanh khác theo quy định của Chính phủ;***  ***b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư đối với dự án quy định tại điểm a khoản này.*** |
| 18 | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34a | **Điều 34a. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt**  1. Việc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có một hoặc một số yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; thủ tục, phương pháp, tiêu chuẩn lựa chọn nhà đầu tư và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh hoặc yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, lợi ích quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 34 của Luật này. | **Điều 34a. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt**  1. Việc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với dự án đầu tư kinh doanh có một hoặc một số yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; thủ tục giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển; thủ tục, phương pháp, tiêu chuẩn lựa chọn nhà đầu tư và nội dung hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh; có yêu cầu hoặc yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ, lợi ích quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia; ***có yêu cầu đặc thù về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*** mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 1, 2 và 2a Điều 34 của Luật này. ***Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt quy định tại khoản này***. |
| 19 | Sửa đổi, bổ sung khoản 2; điểm d khoản 3 Điều 43; điểm d khoản 4 Điều 43 | **Điều 43. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu**  …  2. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với chỉ định thầu bao gồm các bước sau đây:  a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu;  b) Tổ chức lựa chọn nhà thầu;  c) Đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về đề xuất của một hoặc các nhà thầu (nếu có);  d) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;  đ) Hoàn thiện, ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.  Đối với trường hợp quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 của Luật này, người có thẩm quyền có thể quyết định áp dụng quy trình rút gọn bao gồm các bước sau: chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu; hoàn thiện hợp đồng; trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; ký kết và quản lý thực hiện hợp đồng.  3. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với chào hàng cạnh tranh bao gồm các bước sau đây:  …  d) Trình, thẩm định, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có);  4. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm trực tiếp bao gồm các bước sau đây:  …  d) Trình, thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; | **Điều 43. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu**  …  2. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với chỉ định thầu ***được thực hiện theo quy trình chỉ định thầu thông thường hoặc quy trình chỉ định thầu rút gọn***.  3. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với chào hàng cạnh tranh bao gồm các bước sau đây:  …  d) Trình, phê duyệt, công khai kết quả lựa chọn nhà thầu và giải thích lý do nhà thầu không trúng thầu theo yêu cầu của nhà thầu (nếu có);  4. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với mua sắm trực tiếp bao gồm các bước sau đây:  …  d) Trình, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; |
| 20 | Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 44 | **Điều 44. Nội dung hồ sơ mời thầu đối với lựa chọn nhà thầu**  …  2. Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ. Trường hợp gói thầu thuộc quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 và đáp ứng đủ điều kiện áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 23 của Luật này nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh để lựa chọn nhà thầu thì hồ sơ mời thầu được quy định về xuất xứ, nhãn hiệu của hàng hóa. | **Điều 44. Nội dung hồ sơ mời thầu đối với lựa chọn nhà thầu**  …  2. Hồ sơ mời thầu được nêu xuất xứ theo nhóm nước, vùng lãnh thổ. ***Đối với gói thầu thuộc trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định của Chính phủ*** nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh để lựa chọn nhà thầu thì hồ sơ mời thầu được quy định về xuất xứ, nhãn hiệu của hàng hóa. |
| 21 | Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 45 | **Điều 45. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu**  1. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:  …  d) Trường hợp gói thầu đủ điều kiện áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 23 của Luật này nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 09 ngày kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; | **Điều 45. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu**  1. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:  …  d) ***Đối với gói thầu thuộc trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu theo quy định của Chính phủ*** nhưng người có thẩm quyền quyết định áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi để lựa chọn nhà thầu thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 09 ngày kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; |
| 22 | Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 53 | **Điều 53. Mua sắm tập trung**  …  3. Mua sắm tập trung phải được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi. Trường hợp hàng hóa thuộc danh mục mua sắm tập trung nhưng cần mua sắm để phòng, chống dịch bệnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 của Luật này thì được áp dụng hình thức chỉ định thầu. Trường hợp hàng hóa thuộc danh mục mua sắm tập trung đáp ứng điều kiện đàm phán giá theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này thì được áp dụng hình thức đàm phán giá. | **Điều 53. Mua sắm tập trung**  …  3. ***Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu áp dụng mua sắm tập trung được thực hiện theo quy định của Chính phủ***. |
| 23 | Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 58 | **Điều 58. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp**  …  3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:  a) Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá có thể được áp dụng đối với gói thầu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Luật này; | **Điều 58. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp**  …  3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:  a) Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá có thể được áp dụng đối với gói thầu quy định tại điểm b ***và điểm c*** khoản 1 Điều 31 của Luật này. |
| 24 | Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 1 Điều 61 | **Điều 61. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp**  1. Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:  …  e) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. | **Điều 61. Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp**  1. Nhà thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:  …  e) Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu được phê duyệt. ***Đối với gói thầu xây lắp, giá đề nghị trúng thầu không được thấp hơn giá gói thầu theo tỷ lệ quy định của Chính phủ***. |
| 25 | Sửa đổi điểm a khoản 2; Bổ sung khoản 4a vào sau khoản 4 Điều 62 | **Điều 62. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu**  …  2. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được thực hiện trên cơ sở các tiêu chuẩn sau đây:  a) Tiêu chuẩn đánh giá năng lực của nhà đầu tư về tài chính, khả năng thu xếp vốn, kinh nghiệm thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh tương tự;  b) Tiêu chuẩn đánh giá phương án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư, trong đó bao gồm các tiêu chuẩn về kỹ thuật, xã hội, môi trường;  c) Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương. | **Điều 62. Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu**  …  2. Việc đánh giá hồ sơ dự thầu của nhà đầu tư được thực hiện trên cơ sở các tiêu chuẩn sau đây:  a) Tiêu chuẩn đánh giá năng lực của nhà đầu tư về tài chính, khả năng thu xếp vốn, kinh nghiệm thực hiện các dự án đầu tư kinh doanh tương tự.  ***Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhà đầu tư không cần chứng minh khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu và được sử dụng dự án, công trình do mình trực tiếp thực hiện mà công nghệ đã được đưa vào vận hành thử nghiệm thành công để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án đầu tư kinh doanh tương tự khi tham gia đấu thầu;***  b) Tiêu chuẩn đánh giá phương án đầu tư kinh doanh của nhà đầu tư, trong đó bao gồm các tiêu chuẩn về kỹ thuật, xã hội, môi trường;  c) Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.  ….  ***4a. Đối với dự án đầu tư kinh doanh áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư cho nhà đầu tư đề xuất thực hiện dự án, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gồm tiêu chuẩn đánh giá quy định tại điểm a và điểm c khoản 2 Điều này và được xây dựng theo phương pháp đạt, không đạt.*** |
| 26 | Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 68 | **Điều 68. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**  …  2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng đối với nhà thầu được lựa chọn, trừ các trường hợp sau đây:  a) Nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn;  b) Nhà thầu được lựa chọn theo hình thức tự thực hiện hoặc hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng;  c) Nhà thầu thực hiện gói thầu có giá gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu quy định tại điểm m khoản 1 Điều 23 của Luật này. | **Điều 68. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**  …  2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng đối với nhà thầu được lựa chọn, trừ các trường hợp sau đây:  a) Nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn;  b) Nhà thầu được lựa chọn theo hình thức tự thực hiện hoặc hình thức tham gia thực hiện của cộng đồng;  c) Nhà thầu thực hiện gói thầu có giá gói thầu thuộc hạn mức chỉ định thầu ***theo quy định của Chính phủ***. |
| 27 | Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 13 Điều 78 | **Điều 78. Trách nhiệm của chủ đầu tư**  …  4. Quyết định thành lập bên mời thầu với nhân sự đáp ứng yêu cầu thực hiện công tác lựa chọn nhà thầu; trường hợp nhân sự không đáp ứng yêu cầu thì lựa chọn nhà thầu tư vấn để làm bên mời thầu hoặc thực hiện một số nhiệm vụ của bên mời thầu. Quyết định thành lập tổ chuyên gia đáp ứng quy định tại Điều 19 của Luật này trong trường hợp không thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.  …  13. Trường hợp chủ đầu tư đồng thời là bên mời thầu thì còn phải thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều 79 của Luật này. | **Điều 78. Trách nhiệm của chủ đầu tư**  …  4. Quyết định thành lập tổ chuyên gia đáp ứng quy định tại Điều 19 của Luật này trong trường hợp không thuê đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.  …  13. ***Thương thảo (nếu có) và hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu, quản lý thực hiện hợp đồng (nếu có); thương thảo (nếu có) và hoàn thiện thỏa thuận khung với nhà thầu, quản lý thực hiện thỏa thuận khung (nếu có) đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung***. |
| 28 | Bãi bỏ khoản 1 Điều 79 | **Điều 79. Trách nhiệm của bên mời thầu**  1. Đối với lựa chọn nhà thầu:  a) Chuẩn bị lựa chọn nhà thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; tổ chức đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất;  b) (được bãi bỏ)  c) Yêu cầu nhà thầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong quá trình đánh giá hồ sơ;  d) Trình duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu;  đ) Thương thảo (nếu có) và hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu, quản lý thực hiện hợp đồng (nếu có);  e) Thương thảo (nếu có) và hoàn thiện thỏa thuận khung với nhà thầu, quản lý thực hiện thỏa thuận khung (nếu có) đối với mua sắm tập trung áp dụng thỏa thuận khung;  g) Bảo mật thông tin, tài liệu liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu;  h) Cung cấp thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu;  i) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ đầu tư trong phạm vi công việc được giao theo quy định tại khoản này. | ***(được bãi bỏ)*** |
| 29 | Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 2 Điều 79; Bổ sung điểm k1 sau điểm k khoản 2 Điều 79 | **Điều 79. Trách nhiệm của bên mời thầu**  2. Đối với lựa chọn nhà đầu tư, ngoài trách nhiệm quy định tại điểm h khoản 1 Điều này, bên mời thầu còn có trách nhiệm sau đây: | **Điều 79. Trách nhiệm của bên mời thầu**  2. Đối với lựa chọn nhà đầu tư, bên mời thầu còn có trách nhiệm sau đây:  …  ***k1) Cung cấp thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan và giải trình việc thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản này theo yêu cầu của người có thẩm quyền, cơ quan thanh tra, kiểm tra, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu;*** |
| 30 | Bổ sung khoản 2a, 2b vào sau khoản 2 Điều 80 |  | **Điều 80. Trách nhiệm của tổ chuyên gia**  …  ***2a. Trình duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời thầu, kết quả lựa chọn danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu.***  ***2b. Yêu cầu nhà thầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trong quá trình đánh giá hồ sơ.*** |
| 31 | Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 86 | **Điều 86. Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu**  …  3. Giám sát hoạt động đấu thầu:  …  đ) Giám sát hoạt động đấu thầu được thực hiện đối với một hoặc các nội dung sau: hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; | **Điều 86. Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu**  …  3. Giám sát hoạt động đấu thầu:  …  đ) Giám sát hoạt động đấu thầu được thực hiện đối với một hoặc các nội dung sau: hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; ***gói thầu, dự án áp dụng hình thức chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt***; |
| 32 | Thay thế cụm từ *“bên mời thầu”* bằng cụm từ *“chủ đầu tư”* tại các khoản 19, 20, 22 Điều 4; điểm b khoản 1 Điều 8, khoản 3 Điều 9, điểm đ khoản 9 Điều 14, điểm d khoản 1 Điều 43 | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  19. *Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển* là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi có bước mời quan tâm, sơ tuyển, bao gồm các yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu làm căn cứ để bên mời thầu lựa chọn danh sách nhà thầu trúng sơ tuyển, danh sách nhà thầu có hồ sơ quan tâm được đánh giá đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời quan tâm là toàn bộ tài liệu sử dụng cho dự án cần xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực, bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đối với nhà đầu tư.  20. *Hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển* là toàn bộ tài liệu do nhà thầu lập và nộp cho bên mời thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án là toàn bộ tài liệu do nhà đầu tư lập và nộp theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.  22. *Hồ sơ yêu cầu* là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, đàm phán giá, bao gồm các yêu cầu cho gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất và để bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất.  **Điều 8. Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu**  1. Trách nhiệm đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:  b) Bên mời thầu có trách nhiệm đăng tải thông tin quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 7 của Luật này. Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải các thông tin quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 7 của Luật này bằng tiếng Việt và tiếng Anh; đối với thông tin quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 7 của Luật này, bên mời thầu đăng tải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh;  **Điều 9. Xử lý và lưu trữ hồ sơ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**  3. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà nhà thầu, nhà đầu tư không nhận lại hồ sơ đề xuất về tài chính của mình thì bên mời thầu xem xét, quyết định việc hủy hồ sơ nhưng phải bảo đảm thông tin không bị tiết lộ.  **Điều 14. Bảo đảm dự thầu**  9. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:  đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;  **Điều 43. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu**  1. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế bao gồm các bước sau đây:  d) Thương thảo hợp đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.  Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế, gói thầu hỗn hợp và gói thầu áp dụng đấu thầu hạn chế quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này, trường hợp cần thiết, bên mời thầu có thể thương thảo hợp đồng với nhà thầu xếp hạng thứ nhất; | Điều 4. Giải thích từ ngữ  19. *Hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển* là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi có bước mời quan tâm, sơ tuyển, bao gồm các yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm đối với nhà thầu làm căn cứ để ***chủ đầu tư*** lựa chọn danh sách nhà thầu trúng sơ tuyển, danh sách nhà thầu có hồ sơ quan tâm được đánh giá đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ mời quan tâm là toàn bộ tài liệu sử dụng cho dự án cần xác định số lượng nhà đầu tư quan tâm theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về quản lý ngành, lĩnh vực, bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm đối với nhà đầu tư.  20. *Hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển* là toàn bộ tài liệu do nhà thầu lập và nộp cho ***chủ đầu tư*** theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển. Trường hợp lựa chọn nhà đầu tư, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án là toàn bộ tài liệu do nhà đầu tư lập và nộp theo yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm.  22. *Hồ sơ yêu cầu* là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, đàm phán giá, bao gồm các yêu cầu cho gói thầu, làm căn cứ để nhà thầu chuẩn bị hồ sơ đề xuất và để ***chủ đầu tư*** tổ chức đánh giá hồ sơ đề xuất.  **Điều 8. Cung cấp và đăng tải thông tin về đấu thầu**  1. Trách nhiệm đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:  b) ***Chủ đầu tư*** có trách nhiệm đăng tải thông tin quy định tại các điểm b, c, d và đ khoản 1 Điều 7 của Luật này. Đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế, bên mời thầu phải đăng tải các thông tin quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 7 của Luật này bằng tiếng Việt và tiếng Anh; đối với thông tin quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 7 của Luật này, bên mời thầu đăng tải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh;  **Điều 9. Xử lý và lưu trữ hồ sơ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**  3. Trường hợp hết thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà nhà thầu, nhà đầu tư không nhận lại hồ sơ đề xuất về tài chính của mình thì ***chủ đầu tư*** xem xét, quyết định việc hủy hồ sơ nhưng phải bảo đảm thông tin không bị tiết lộ.  **Điều 14. Bảo đảm dự thầu**  9. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây:  đ) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng, thoả thuận khung trong thời hạn 10 ngày đối với đấu thầu trong nước và 20 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của ***chủ đầu tư***, trừ trường hợp bất khả kháng;  **Điều 43. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu**  1. Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế bao gồm các bước sau đây:  d) Thương thảo hợp đồng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn.  Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp, cung cấp dịch vụ phi tư vấn áp dụng đấu thầu quốc tế, gói thầu hỗn hợp và gói thầu áp dụng đấu thầu hạn chế quy định tại khoản 1 Điều 22 của Luật này, trường hợp cần thiết, ***chủ đầu tư*** có thể thương thảo hợp đồng với nhà thầu xếp hạng thứ nhất; |
| 33 | Thay thế cụm từ *“bên mời thầu”* bằng cụm từ *“chủ đầu tư, bên mời thầu”* tại khoản 21, 23 Điều 4; khoản 6, 8 Điều 14, khoản 5 Điều 51, khoản 2 Điều 80, khoản 1 Điều 82 | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  21. *Hồ sơ mời thầu* là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, bao gồm các yêu cầu cho một dự án, gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh làm căn cứ để nhà thầu, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để bên mời thầu tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu.  23. *Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất* là toàn bộ tài liệu do nhà thầu, nhà đầu tư lập và nộp cho bên mời thầu theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.  **Điều 14. Bảo đảm dự thầu**  6. Trường hợp gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu, bên mời thầu phải yêu cầu nhà thầu, nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu, nhà đầu tư phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu đã nộp. Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư từ chối gia hạn thì hồ sơ dự thầu sẽ không còn giá trị và bị loại; bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.  8. Bên mời thầu có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, nhà đầu tư không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong hồ sơ mời thầu nhưng không quá 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được phê duyệt. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.  **Điều 51. Yêu cầu đối với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**  5. Bảo đảm nhà thầu, nhà đầu tư không thể gửi hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đến bên mời thầu sau thời điểm đóng thầu.  **Điều 80. Trách nhiệm của tổ chuyên gia**  2. Đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; đề xuất với bên mời thầu phương án xử lý tình huống trong trường hợp phát sinh tình huống trong đấu thầu (nếu có).  **Điều 82. Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư**  1. Yêu cầu bên mời thầu làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  21. *Hồ sơ mời thầu* là toàn bộ tài liệu sử dụng cho hình thức đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chào hàng cạnh tranh, bao gồm các yêu cầu cho một dự án, gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh làm căn cứ để nhà thầu, nhà đầu tư chuẩn bị hồ sơ dự thầu và để ***chủ đầu tư, bên mời thầu*** tổ chức đánh giá hồ sơ dự thầu.  23. *Hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất* là toàn bộ tài liệu do nhà thầu, nhà đầu tư lập và nộp cho ***chủ đầu tư, bên mời thầu*** theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.  **Điều 14. Bảo đảm dự thầu**  6. Trường hợp gia hạn thời gian có hiệu lực của hồ sơ dự thầu sau thời điểm đóng thầu, ***chủ đầu tư, bên mời thầu*** phải yêu cầu nhà thầu, nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu, nhà đầu tư phải gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và không được thay đổi nội dung trong hồ sơ dự thầu đã nộp. Trường hợp nhà thầu, nhà đầu tư từ chối gia hạn thì hồ sơ dự thầu sẽ không còn giá trị và bị loại; ***chủ đầu tư, bên mời thầu*** phải hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, nhà đầu tư trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày bên mời thầu nhận được văn bản từ chối gia hạn.  8. ***Chủ đầu tư, bên mời thầu*** có trách nhiệm hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu cho nhà thầu, nhà đầu tư không được lựa chọn theo thời hạn quy định trong hồ sơ mời thầu nhưng không quá 14 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư được phê duyệt. Đối với nhà thầu, nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.  **Điều 51. Yêu cầu đối với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**  5. Bảo đảm nhà thầu, nhà đầu tư không thể gửi hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất đến ***chủ đầu tư, bên mời thầu*** sau thời điểm đóng thầu.  **Điều 80. Trách nhiệm của tổ chuyên gia**  2. Đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; đề xuất với ***chủ đầu tư, bên mời thầu*** phương án xử lý tình huống trong trường hợp phát sinh tình huống trong đấu thầu (nếu có).  **Điều 82. Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư**  1. Yêu cầu ***chủ đầu tư, bên mời thầu*** làm rõ hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. |
| 34 | Thay cụm từ *“bên mời thầu”* bằng cụm từ *“bên mời thầu, tổ chuyên gia”* tại điểm c khoản 3, điểm b khoản 7 Điều 16, khoản 2 Điều 81 | **Điều 16. Hành vi bị cấm trong đấu thầu**  3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:  c) Nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được bên mời thầu yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.  …  7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật này, bao gồm:  b) Nội dung hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của bên mời thầu và trả lời của nhà thầu, nhà đầu tư trong quá trình đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định.  **Điều 81. Trách nhiệm của tổ thẩm định**  2. Yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan. | **Điều 16. Hành vi bị cấm trong đấu thầu**  3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:  c) Nhà thầu, nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được ***bên mời thầu, tổ chuyên gia*** yêu cầu làm rõ hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.  …  7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin về quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, trừ trường hợp cung cấp thông tin theo quy định tại điểm b khoản 8 và điểm g khoản 9 Điều 77, khoản 11 Điều 78, điểm h khoản 1 Điều 79, khoản 4 Điều 80, khoản 4 Điều 81, khoản 2 Điều 82, điểm b khoản 4 Điều 93 của Luật này, bao gồm:  b) Nội dung hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; nội dung yêu cầu làm rõ hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất của ***bên mời thầu, tổ chuyên gia*** và trả lời của nhà thầu, nhà đầu tư trong quá trình đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; báo cáo của bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tài liệu ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ đăng ký thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất trước khi được công khai theo quy định.  **Điều 81. Trách nhiệm của tổ thẩm định**  2. Yêu cầu chủ đầu tư, ***bên mời thầu, tổ chuyên gia*** cung cấp đầy đủ tài liệu liên quan. |
| 35 | Thay cụm từ *“bên mời thầu”* bằng cụm từ *“tổ chuyên gia”* tại điểm a khoản 3 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 33 | **Điều 32. Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ**  3. Trong giai đoạn hai, quy trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau:  a) Nhà thầu trong danh sách đạt yêu cầu giai đoạn một được mời làm rõ hồ sơ đề xuất về kỹ thuật. Nội dung làm rõ đề xuất về kỹ thuật bao gồm việc chủ đầu tư, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu điều chỉnh đề xuất về kỹ thuật giai đoạn một. Nhà thầu được đưa ra ý kiến góp ý về nội dung hồ sơ mời thầu;  **Điều 33. Phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ**  3. Trong giai đoạn hai, quy trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau:  a) Nhà thầu trong danh sách đạt yêu cầu giai đoạn một được mời làm rõ hồ sơ đề xuất về kỹ thuật. Nội dung làm rõ đề xuất về kỹ thuật bao gồm việc chủ đầu tư, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu điều chỉnh đề xuất về kỹ thuật giai đoạn một. Nhà thầu được đưa ra ý kiến góp ý về nội dung hồ sơ mời thầu; | **Điều 32. Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ**  3. Trong giai đoạn hai, quy trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau:  a) Nhà thầu trong danh sách đạt yêu cầu giai đoạn một được mời làm rõ hồ sơ đề xuất về kỹ thuật. Nội dung làm rõ đề xuất về kỹ thuật bao gồm việc chủ đầu tư, ***tổ chuyên gia*** yêu cầu nhà thầu điều chỉnh đề xuất về kỹ thuật giai đoạn một. Nhà thầu được đưa ra ý kiến góp ý về nội dung hồ sơ mời thầu;  **Điều 33. Phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ**  3. Trong giai đoạn hai, quy trình lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau:  a) Nhà thầu trong danh sách đạt yêu cầu giai đoạn một được mời làm rõ hồ sơ đề xuất về kỹ thuật. Nội dung làm rõ đề xuất về kỹ thuật bao gồm việc chủ đầu tư, ***tổ chuyên gia*** yêu cầu nhà thầu điều chỉnh đề xuất về kỹ thuật giai đoạn một. Nhà thầu được đưa ra ý kiến góp ý về nội dung hồ sơ mời thầu; |
| 36 | Bỏ cụm từ *“bên mời thầu”* tại điểm b khoản 4, khoản 4a Điều 6, điểm c khoản 1 Điều 15, điểm b khoản 1 Điều 55, điểm b khoản 8 Điều 77 | **Điều 6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu**  4. Nhà thầu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được đánh giá độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:  b) Nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu không có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 30% của nhau;  4a. Công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước được tham dự gói thầu của nhau nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. Đối với gói thầu hỗn hợp mà tập đoàn kinh tế nhà nước hoặc công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước làm chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu và nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng thể, báo cáo nghiên cứu khả thi (trường hợp không lập thiết kế kỹ thuật tổng thể), báo cáo kinh tế kỹ thuật (trường hợp không lập báo cáo nghiên cứu khả thi, không lập thiết kế kỹ thuật tổng thể theo quy định của pháp luật về xây dựng) không được có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau, không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 30% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.  **Điều 15. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**  1. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:  c) Chủ đầu tư, bên mời thầu chịu chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu, chi phí liên quan đến tổ chức lựa chọn nhà thầu;  **Điều 55. Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế**  1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế theo một trong các cách thức sau đây:  b) Lựa chọn nhà thầu theo số lượng dịch vụ kỹ thuật:  Nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện thay thế và các dịch vụ liên quan để vận hành thiết bị y tế theo số lượng dịch vụ kỹ thuật mà chủ đầu tư, bên mời thầu yêu cầu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, không cung cấp nhân công vận hành thiết bị y tế.  Nhà thầu chỉ chuyển giao quyền sử dụng, không chuyển giao quyền sở hữu thiết bị y tế cho chủ đầu tư. Giá gói thầu và giá dự thầu được xác định trên cơ sở số lượng dịch vụ kỹ thuật dự kiến. Thời gian thực hiện hợp đồng không quá 05 năm;  **Điều 77. Trách nhiệm của người có thẩm quyền**  8. Đối với lựa chọn nhà thầu, ngoài trách nhiệm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này, người có thẩm quyền còn có trách nhiệm sau đây:  b) Yêu cầu chủ đầu tư, bên mời thầu cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu và công việc quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này; | **Điều 6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu**  4. Nhà thầu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này được đánh giá độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:  b) Nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu không có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 30% của nhau;  4a. Công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước được tham dự gói thầu của nhau nếu sản phẩm, dịch vụ thuộc gói thầu đó thuộc ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn kinh tế nhà nước, tổng công ty nhà nước. Đối với gói thầu hỗn hợp mà tập đoàn kinh tế nhà nước hoặc công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế nhà nước làm chủ đầu tư, nhà thầu tham dự thầu và nhà thầu tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật tổng thể, báo cáo nghiên cứu khả thi (trường hợp không lập thiết kế kỹ thuật tổng thể), báo cáo kinh tế kỹ thuật (trường hợp không lập báo cáo nghiên cứu khả thi, không lập thiết kế kỹ thuật tổng thể theo quy định của pháp luật về xây dựng) không được có cổ phần hoặc phần vốn góp của nhau, không cùng có cổ phần hoặc phần vốn góp trên 30% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.  **Điều 15. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư**  1. Chi phí trong lựa chọn nhà thầu được quy định như sau:  c) Chủ đầu tư chịu chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu, chi phí liên quan đến tổ chức lựa chọn nhà thầu;  **Điều 55. Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế**  1. Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế theo một trong các cách thức sau đây:  b) Lựa chọn nhà thầu theo số lượng dịch vụ kỹ thuật:  Nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư hoá chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện thay thế và các dịch vụ liên quan để vận hành thiết bị y tế theo số lượng dịch vụ kỹ thuật mà chủ đầu tư yêu cầu trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, không cung cấp nhân công vận hành thiết bị y tế.  Nhà thầu chỉ chuyển giao quyền sử dụng, không chuyển giao quyền sở hữu thiết bị y tế cho chủ đầu tư. Giá gói thầu và giá dự thầu được xác định trên cơ sở số lượng dịch vụ kỹ thuật dự kiến. Thời gian thực hiện hợp đồng không quá 05 năm;  **Điều 77. Trách nhiệm của người có thẩm quyền**  8. Đối với lựa chọn nhà thầu, ngoài trách nhiệm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này, người có thẩm quyền còn có trách nhiệm sau đây:  b) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị, xử lý vi phạm pháp luật về đấu thầu và công việc quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này; |
| **II** | **Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (21 nội dung)** | | |
| 1 | Sửa đổi, bổ sung khoản 18 Điều 3 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  ...  18. Nhà đầu tư PPP (sau đây gọi là nhà đầu tư) là một pháp nhân độc lập được thành lập theo quy định của pháp luật hoặc liên danh giữa nhiều pháp nhân tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  …  18. Nhà đầu tư PPP (sau đây gọi là nhà đầu tư) là một pháp nhân độc lập được thành lập theo quy định của pháp luật hoặc liên danh giữa nhiều pháp nhân ***hoặc là cá nhân*** tham gia hoạt động đầu tư theo phương thức PPP |
| 2 | Bãi bỏ Điều 6 | **Điều 6. Hội đồng thẩm định dự án PPP**  1. Hội đồng thẩm định dự án PPP bao gồm:  a) Hội đồng thẩm định nhà nước thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư;  b)[[1]](#footnote-1) Hội đồng thẩm định liên ngành thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;  c)[[2]](#footnote-2) Trừ trường hợp nhiệm vụ thẩm định được giao cho đơn vị trực thuộc cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này, Hội đồng thẩm định cấp cơ sở thực hiện nhiệm vụ thẩm định các báo cáo sau: báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư; báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư; báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP không thuộc trường hợp phải quyết định chủ trương đầu tư quy định tại các khoản 2a, 2b và 2c Điều 11 của Luật này.  2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án PPP quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.  3. Căn cứ quy mô, tính chất dự án, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc giao một đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP.  4. Hội đồng thẩm định dự án PPP, đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ thẩm định được thuê tư vấn hỗ trợ.  5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | ***(được bãi bỏ)*** |
| 3 | Sửa đổi, bổ sung Điều 11 | **Điều 11. Quy trình dự án PPP**  1. Trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 2a, 2b và 2c Điều này, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau[[3]](#footnote-3):  a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, công bố dự án;  b) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án;  c) Lựa chọn nhà đầu tư;  d) Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP;  đ) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.  2. Đối với dự án PPP ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, quy trình dự án PPP được quy định như sau:  a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, công bố dự án;  b) Lựa chọn nhà đầu tư;  c) Nhà đầu tư được lựa chọn lập báo cáo nghiên cứu khả thi;  d) Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án;  đ) Thực hiện các bước quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều này.  2a.[[4]](#footnote-4) Đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công không sử dụng vốn nhà nước quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Luật này, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:  a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án PPP thuộc trường hợp lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;  b) Phê duyệt dự án căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, công bố dự án;  c) Lựa chọn nhà đầu tư;  d) Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP;  đ) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.  2b.[[5]](#footnote-5) Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng O&M, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:  a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, công bố dự án;  b) Lựa chọn nhà đầu tư;  c) Thành lập doanh nghiệp dự án PPP và ký kết hợp đồng dự án PPP;  d) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.  2c.[[6]](#footnote-6) Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:  a) Nhà đầu tư đề xuất dự án, lập báo cáo nghiên cứu khả thi kèm theo dự thảo hợp đồng;  b) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án và dự thảo hợp đồng;  c) Thành lập doanh nghiệp dự án PPP trong trường hợp nhà đầu tư đề xuất;  d) Ký kết hợp đồng dự án PPP;  đ) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án; tổ chức giám sát quá trình xây dựng, thi công công trình, nghiệm thu công trình hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng như quy định đối với dự án đầu tư công.  Dự án quy định tại khoản này không phải lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Chương III và không phải thực hiện nội dung liên quan đến triển khai thực hiện hợp đồng dự án tại các điều 53, 54, 55, 58, 59, 61, 62, 63, 64, 65 và 66 của Luật này.  3. Trường hợp dự án PPP có công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc, việc tổ chức thi tuyển được xem xét, phê duyệt trong quyết định chủ trương đầu tư quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này. Việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc.  4. Dự án thuộc kế hoạch đầu tư công được xem xét chuyển đổi thành dự án PPP thì thực hiện theo quy trình quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.  5.[[7]](#footnote-7) Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | **Điều 11. Quy trình dự án PPP**  1. Đối với dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm A theo quy định của pháp luật về đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:  a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư, công bố dự án;  b) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án;  c) Lựa chọn nhà đầu tư;  d) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP;  2. Đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công thuộc thẩm quyền quyết định chủ đầu tư của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:  ***Phương án 1:***  a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án PPP thuộc trường hợp lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;  b) Dự án không sử dụng vốn nhà nước quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Luật này không phải thực hiện thủ tục phê duyệt chủ trương đầu tư;  ***Phương án 2:***  a) Lập, thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư, công bố dự án;  b) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án PPP thuộc trường hợp lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; phê duyệt dự án;  b) Lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án PPP;  c) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.  3. Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng O&M, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:  a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, công bố dự án;  b) Lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án PPP;  c) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.  4. Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:  a) Nhà đầu tư đề xuất dự án, lập báo cáo nghiên cứu khả thi kèm theo dự thảo hợp đồng;  b) Cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án và dự thảo hợp đồng;  c) Ký kết hợp đồng dự án PPP và triển khai thực hiện hợp đồng dự án; tổ chức giám sát quá trình xây dựng, thi công công trình, nghiệm thu công trình hoàn thành theo quy định của pháp luật về xây dựng như qu Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng O&M, quy trình dự án PPP được thực hiện như sau:y định đối với dự án đầu tư công.  Dự án quy định tại khoản này không phải lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Chương III và không phải thực hiện nội dung liên quan đến triển khai thực hiện hợp đồng dự án tại các điều 53, 54, 55, 58, 59, 61, 62, 63, 64, 65 và 66 của Luật này.  5. Đối với dự án PPP thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, dự án PPP ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, quy trình dự án PPP được quy định như sau:  a) Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với dự án PPP thuộc trường hợp lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng; phê duyệt dự án, công bố dự án;  b) Lựa chọn nhà đầu tư và ký kết hợp đồng dự án PPP. Trường hợp nhà đầu tư đề xuất dự án sở hữu hoặc có bản quyền công nghệ chiến lược thuộc danh mục do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố, áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 của Luật này;  c) Triển khai thực hiện hợp đồng dự án PPP.  6. Trường hợp dự án PPP có công trình phải thi tuyển phương án kiến trúc, việc tổ chức thi tuyển được xem xét, phê duyệt trong quyết định chủ trương đầu tư quy định tại các khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này. Việc tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc.  7. Dự án đầu tư công thuộc kế hoạch đầu tư công được xem xét chuyển đổi thành dự án PPP thì căn cứ mức độ quan trong, quy mô, tính chất dự án để thực hiện theo quy trình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5 và 6 Điều này.  8. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. |
| 4 | Bãi bỏ điểm a khoản 3, điểm a khoản 4a, bổ sung khoản 4b Điều 12 | **Điều 12. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP**  …  3. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP sau đây:  a) Dự án thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác, trừ dự án quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này;  b) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công đối với quỹ đất, tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 tỷ đồng thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác.  …  4a. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP sau đây:  a) Dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương, trừ dự án quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều này; | **Điều 12. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP**  …  3. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP sau đây:  Dự án áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng nguồn ngân sách nhà nước thu được sau đấu giá quỹ đất, tài sản công đối với quỹ đất, tài sản công có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 tỷ đồng thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác.  …  4a. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP sau đây:  a)***Được bãi bỏ****;*  …  4b. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đồng thời phê duyệt dự án đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công. |
| 5 | Sửa đổi, bổ sung Điều 13 | **Điều 13. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP**  1. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc thẩm quyền của Quốc hội được quy định như sau:  a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền trình Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  b) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước;  c)[[8]](#footnote-8) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;  d) Chính phủ hoàn chỉnh hồ sơ trình Quốc hội xem xét, quyết định;  đ) Cơ quan của Quốc hội thẩm tra hồ sơ do Chính phủ trình;  e) Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án.  2. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ được quy định như sau:  a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư;  b) Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành;  c) Hội đồng thẩm định liên ngành thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;  d)[[9]](#footnote-9) ***(được bãi bỏ)***  đ)[[10]](#footnote-10) ***(được bãi bỏ)***  e) Hội đồng thẩm định liên ngành hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan có thẩm quyền;  g) Cơ quan có thẩm quyền hoàn chỉnh hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;  h) Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án.  3. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác được quy định như sau:  a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở trình Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác xem xét, quyết định;  b) Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;  c)[[11]](#footnote-11) ***(được bãi bỏ)***  d) Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP;  đ) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác xem xét, quyết định;  e) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư dự án.  4. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như sau:  a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  b) Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;  c)[[12]](#footnote-12) ***(được bãi bỏ)***  d) Hội đồng thẩm định cấp cơ sở hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP;  đ) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh hồ sơ làm cơ sở để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;  e) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án. | **Điều 13. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP**  1. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc thẩm quyền của Quốc hội được quy định như sau:  a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền trình Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tài chính;  b) Bộ trưởng Bộ Tài chính đề xuất Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước;  c) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;  d) Chính phủ hoàn chỉnh hồ sơ trình Quốc hội xem xét, quyết định;  đ) Cơ quan của Quốc hội thẩm tra hồ sơ do Chính phủ trình;  e) Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án.  2. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ được quy định như sau:  a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền gửi Bộ quản lý ngành để tổ chức thẩm định;  b) Bộ quản lý ngành tổ chức thẩm định hoặc đề xuất Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;  c) Bộ quản lý ngành hoặc Hội đồng thẩm định liên ngành hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến cơ quan có thẩm quyền;  d) Cơ quan có thẩm quyền hoàn chỉnh hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;  đ) Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án.  3. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định như sau:  a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở trình Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;  b) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao một đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;  c) Đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP;  d) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;  đ) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 12 của Luật này;  e) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại khoản 4 Điều 12 của Luật này;  4. Trình tự quyết định chủ trương đầu tư đồng thời phê duyệt dự án đối với dự án PPP thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định như sau:  a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP báo cáo nghiên cứu khả thi làm cơ sở trình Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;  b) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao một đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP;  c) Đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định hoàn thành và gửi báo cáo thẩm định đến đơn vị chuẩn bị dự án PPP;  d) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP hoàn chỉnh hồ sơ trình Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định;  đ) Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đồng thời phê duyệt dự án. |
| 6 | Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 14 |  | **Điều 14. Lựa chọn dự án và lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP**  4. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:  a) Sự cần thiết đầu tư; lợi thế đầu tư theo phương thức PPP so với các hình thức đầu tư khác; đánh giá sơ bộ tác động về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường như quy định đối với dự án đầu tư công; sơ bộ phân chia dự án thành phần (nếu có);  b) Mục tiêu; dự kiến quy mô, địa điểm, thời gian thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất và tài nguyên khác;  c) Sơ bộ tổng mức đầu tư; đánh giá sơ bộ phương án tài chính của dự án; dự kiến sử dụng vốn nhà nước trong dự án (nếu có); dự kiến phương thức thanh toán cho nhà đầu tư đối với dự án áp dụng loại hợp đồng BTL, hợp đồng BLT, hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất, trong đó xác định cụ thể vị trí, diện tích, giá trị dự kiến của quỹ đất dự kiến thanh toán;  d) Dự kiến loại hợp đồng dự án PPP; cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu (nếu có). |
| 7 | Bãi bỏ điểm c và điểm đ khoản 2 Điều 15 | **Điều 15. Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án PPP**  2. Việc thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:  …  c) Hiệu quả đầu tư; khả năng thu hồi vốn cho nhà đầu tư;  …  đ) Cơ chế chia sẻ phần doanh thu. | ***Được bãi bỏ***  ***Được bãi bỏ*** |
| 8 | Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 16 | **Điều 16. Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP**  …  3. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.  4. Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; báo cáo thẩm tra đối với dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư. | **Điều 16. Hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP**  …  3. Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/báo cáo nghiên cứu khả thi.  4. Báo cáo thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc báo cáo thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư/báo cáo nghiên cứu khả thi; báo cáo thẩm tra đối với dự án do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư. |
| 9 | Sửa đổi, bổ sung Điều 21 | **Điều 31. Thẩm quyền phê duyệt dự án PPP**  1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này.  2. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác phê duyệt dự án PPP sau đây:  a) Dự án thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 12 của Luật này;  b) Dự án áp dụng loại hợp đồng O&M thuộc phạm vi quản lý;  c) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện tại Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác.  3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án PPP sau đây:  a) Dự án thuộc phạm vi quản lý quy định tại các khoản 2, 4 và 4a Điều 12 của Luật này;  b) Dự án áp dụng loại hợp đồng O&M thuộc phạm vi quản lý;  c) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện tại địa phương.  4. Đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công không sử dụng vốn nhà nước quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Luật này, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án căn cứ báo cáo nghiên cứu khả thi được lập, thẩm định theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật này. | **Điều 31. Thẩm quyền phê duyệt dự án PPP**  1. Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác phê duyệt dự án PPP sau đây:  a) Dự án thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 12 của Luật này;  b) Dự án áp dụng loại hợp đồng O&M thuộc phạm vi quản lý;  c) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện tại Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan khác;  ***d) Dự án thuộc phạm vi quản lý trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, dự án PPP ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.***  ***2. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án PPP thuộc phạm vi quản lý quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này.***  3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dự án PPP sau đây:  a) Dự án thuộc phạm vi quản lý quy định tại các khoản 2, 4 và 4a Điều 12 của Luật này;  b) Dự án áp dụng loại hợp đồng O&M thuộc phạm vi quản lý;  c) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán mà nhà đầu tư đề xuất thực hiện tại địa phương;  ***d) Dự án thuộc phạm vi quản lý trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, dự án PPP ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, ứng dụng công nghệ mới theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.*** |
| 10 | Sửa đổi khoản 3, bổ sung khoản 4 Điều 31 | **Điều 31. Lựa chọn nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư quốc tế**  3. Việc lựa chọn nhà đầu tư quốc tế được áp dụng đối với tất cả các dự án PPP, trừ trường hợp sau đây:  a) Dự án thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư;  b) Dự án cần bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước. | **Điều 31. Lựa chọn nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư quốc tế**  3. Việc lựa chọn nhà đầu tư quốc tế được áp dụng đối với các dự án PPP, trừ trường hợp sau đây:  a) Dự án thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư;  b) Dự án cần thực hiện đấu thầu trong nước do yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước;  ***c) Dự án thực hiện tại khu vực hạn chế sử dụng đất, khu vực biển hạn chế sử dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan;***  ***d) Dự án có tổng vốn mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công;***  ***đ) Dự án không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này và đã thực hiện khảo sát mời quan tâm nhưng không có nhà đầu tư nước ngoài tham gia.***  ***4. Đối với dự án PPP thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định áp dụng đấu thầu trong nước hoặc đấu thầu quốc tế để lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp áp dụng đấu thầu trong nước, nhà đầu tư trong nước được liên danh với nhà đầu tư nước ngoài hoặc sử dụng đối tác là nhà thầu nước ngoài để tham dự thầu; nhà đầu tư trong nước phải là thành viên đứng đầu liên danh.*** |
| 11 | Bổ sung điểm c khoản 1, sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 39 | **Điều 39. Chỉ định nhà đầu tư**  1. Chỉ định nhà đầu tư được áp dụng trong các trường hợp sau đây:  2. Cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định việc chỉ định nhà đầu tư; trường hợp chỉ định nhà đầu tư đối với dự án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì trước khi chỉ định nhà đầu tư phải được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận trên cơ sở có ý kiến của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước. | **Điều 39. Chỉ định nhà đầu tư**  1. Chỉ định nhà đầu tư được áp dụng trong các trường hợp sau đây:  …  ***c) Dự án do nhà đầu tư đề xuất mà nhà đầu tư đó là doanh nghiệp sở hữu, có bản quyền công nghệ chiến lược hoặc là doanh nghiệp đã triển khai hạ tầng, nền tảng số trước đó và cần tiếp tục lựa chọn doanh nghiệp này để bảo đảm đồng bộ, kết nối hạ tầng, nền tảng số.;***  ***2. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định việc chỉ định nhà đầu tư đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều này.***  ***Trước khi quyết định áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư đối với dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đối với yêu cầu về bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước.*** |
| 12 | Sửa đổi, bổ sung Điều 40 | **Điều 40. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt**  1. Trường hợp dự án PPP xuất hiện các điều kiện đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các điều 37, 38 và 39 của Luật này, cơ quan có thẩm quyền trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định phương án lựa chọn nhà đầu tư.  2. Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm các nội dung sau đây:  a) Thông tin cơ bản của dự án;  b) Thuyết minh về điều kiện đặc thù, riêng biệt của dự án;  c) Phương án lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, bao gồm: các bước thực hiện lựa chọn nhà đầu tư; giải pháp cụ thể để giải quyết được tính đặc thù, riêng biệt của dự án được đề xuất để bảo đảm hiệu quả đầu tư của dự án. | **Điều 40. Lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt**  1. Việc lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt được áp dụng đối với dự án PPP có một hoặc một số yêu cầu, điều kiện đặc thù về thủ tục đầu tư; về nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; thủ tục, phương pháp, tiêu chuẩn lựa chọn nhà đầu tư và nội dung hợp đồng dự án PPP hoặc có yêu cầu bảo đảm lợi ích quốc gia, thực hiện nhiệm vụ chính trị của quốc gia mà không thể áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà đầu tư quy định tại các Điều 37, 38 và 39 của Luật này.  2. Chính phủ quy định chi tiết Điều này |
| 13 | Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2, bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 41 | **Điều 41. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển**  2. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:  a) Năng lực, kinh nghiệm về tài chính - thương mại, khả năng thu xếp vốn; kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự.  Trường hợp liên danh, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh; nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên trong liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;  ... | **Điều 41. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển**  2. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:  a) Tiêu chuẩn đánh giá năng lực của nhà đầu tư về khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu, huy động vốn vay, kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự.  Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhà đầu tư không cần chứng minh khả năng thu xếp vốn chủ sở hữu và được sử dụng dự án, công trình do mình trực tiếp thực hiện mà công nghệ đã được đưa vào vận hành thử nghiệm thành công để chứng minh kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự khi tham dự sơ tuyển;  ***2a. Trường hợp nhà đầu tư tham dự sơ tuyển là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp, nhà đầu tư được sử dụng cam kết tín dụng của ngân hàng, tổ chức tài chính để chứng minh năng lực tài chính của mình và được sử dụng dự án, công trình do mình trực tiếp thực hiện mà công nghệ đã được đưa vào vận hành thử nghiệm thành công để chứng minh kinh nghiệm công trình, dự án tương tự khi tham gia sơ tuyển.*** |
| 14 | Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3 Điều 42 |  | **Điều 42. Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu**  3a. Đối với dự án áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư cho nhà đầu tư đề xuất dự án, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm và tiêu cuẩn đánh giá về tài chính – thương mại và được xây dựng theo phương pháp đạt, không đạt. |
| 15 | Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3 Điều 44 |  | **Điều 44. Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp dự án PPP**  ***4. Nhà đầu tư không bắt buộc phải thành lập doanh nghiệp dự án PPP theo quy định tại khoản 1 Điều này nhưng phải tổ chức quản lý và hạch toán độc lập doanh thu, chi phí của dự án PPP với hoạt động kinh doanh khác của nhà đầu tư trong các trường hợp sau đây:***  ***a) Nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước;***  ***b) Nhà đầu tư là cá nhân hoặc nhà đầu tư liên danh có cá nhân tham gia góp vốn chủ sở hữu;***  ***c) Dự án áp dụng loại hợp đồng BT;***  ***d) Dự án có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công.*** |
| 16 | Bãi bỏ khoản 4 Điều 45 | **Điều 45. Phân loại hợp đồng dự án PPP**  4.[[13]](#footnote-13) Đối với dự án quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 của Luật này, không áp dụng loại hợp đồng thông qua cơ chế thu phí trực tiếp từ người sử dụng, trừ trường hợp cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ cao tốc sẵn có hoặc đường bộ đang khai thác được cải tạo, nâng cấp thành đường cao tốc nhưng phải bảo đảm quyền lựa chọn của người sử dụng dịch vụ. | ***Được bãi bỏ*** |
| 17 | Bổ sung điểm n vào sau điểm m khoản 1 Điều 47 |  | **Điều 47. Nội dung cơ bản của hợp đồng dự án PPP**  1. Hợp đồng dự án PPP bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:  …  ***n) Trách nhiệm của các bên trong việc nghiên cứu, phát triển công nghệ; thương mại hóa sản phẩm được tạo ra từ công nghệ; bản quyền, quyền sở hữu công nghệ; trách nhiệm đào tạo nguồn nhân lực số, chuyển giao công nghệ cho các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ công lập.*** |
| 18 | Bổ sung điểm e khoản 2, điểm c khoản 2a Điều 52 |  | **Điều 52. Chấm dứt hợp đồng dự án PPP**  2. Việc chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn chỉ áp dụng trong các trường hợp sau đây:  *e) Trường hợp sản phẩm khoa học, công nghệ do doanh nghiệp dự án PPP tạo ra nhưng thương mại hoá không hiệu quả, doanh thu thực tế thấp hơn 50% doanh thu dự kiến trong phương án tài chính;*  2a. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được chi trả chi phí trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn sau đây:  *c) Trường hợp quy định tại điểm e khoản 2 Điều này.* |
| 19 | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 76 | **Điều 76. Thu xếp tài chính thực hiện dự án PPP**  1. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm góp vốn chủ sở hữu, huy động vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện dự án theo quy định tại hợp đồng dự án PPP. Tổng số vốn vay thông qua các hình thức vay không vượt quá tổng số vốn vay quy định tại hợp đồng dự án PPP. | Điều 76. Thu xếp tài chính thực hiện dự án PPP  1. Nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chịu trách nhiệm góp vốn chủ sở hữu, huy động vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện dự án theo quy định tại hợp đồng dự án PPP. ***Đối với dự án PPP thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP được huy động vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam.*** Tổng số vốn vay thông qua các hình thức vay không vượt quá tổng số vốn vay quy định tại hợp đồng dự án PPP. |
| 20 | Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 81 |  | **Điều 81. Bảo đảm cân đối ngoại tệ đối với dự án PPP quan trọng**  ***3. Đối với dự án PPP khoa học công nghệ có sự tham gia đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài, doanh nghiệp nước ngoài sở hữu công nghệ chiến lược theo danh mục do Bộ Khoa học và Công nghệ công bố, doanh nghiệp dự án PPP được bảo đảm cân đối ngoại tệ như sau:***  ***a) Được bảo đảm 100% doanh thu của dự án bằng tiền đồng Việt Nam sau khi trừ số chi tiêu bằng đồng Việt Nam trong vòng 03 năm sau thời điểm vận hành, kinh doanh;***  ***b) Được bảo đảm 50% doanh thu của dự án bằng tiền đồng Việt Nam sau khi trừ số chi tiêu bằng đồng Việt Nam tương ứng với thời điểm từ 03 đến 05 năm sau thời điểm vận hành, kinh doanh;***  ***c) Được bảo đảm 30% doanh thu của dự án bằng tiền đồng Việt Nam sau khi trừ số chi tiêu bằng đồng Việt Nam đối với thời gian còn lại của hợp đồng dự án.*** |
| 21 | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 82 | **Điều 82. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu**  1. Khi doanh thu thực tế đạt cao hơn 125% mức doanh thu trong phương án tài chính tại hợp đồng dự án PPP, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chia sẻ với Nhà nước 50% phần chênh lệch giữa doanh thu thực tế và mức 125% doanh thu trong phương án tài chính. Việc chia sẻ phần tăng doanh thu được áp dụng sau khi đã điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án PPP theo quy định tại các điều 50, 51 và 65 của Luật này và được Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán phần tăng doanh thu. | **Điều 82. Cơ chế chia sẻ phần tăng, giảm doanh thu**  1. Khi doanh thu thực tế đạt cao hơn 125% mức doanh thu trong phương án tài chính tại hợp đồng dự án PPP, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án PPP chia sẻ với Nhà nước 50% phần chênh lệch giữa doanh thu thực tế và mức 125% doanh thu trong phương án tài chính. Việc chia sẻ phần tăng doanh thu được áp dụng sau khi đã điều chỉnh mức giá, phí sản phẩm, dịch vụ công, điều chỉnh thời hạn hợp đồng dự án PPP theo quy định tại các điều 50, 51 và 65 của Luật này và được Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán phần tăng doanh thu.  ***Đối với dự án PPP thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, không yêu cầu nhà đầu tư chia sẻ phần tăng doanh thu trong 03 năm đầu sau thời điểm vận hành, kinh doanh.***  …  ***2a. Đối với dự án PPP thuộc lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong 03 năm đầu sau thời điểm vận hành, kinh doanh, cho phép áp dụng mức chia sẻ 100% phần chênh lệch giảm giữa doanh thu thực tế và doanh thu trong phương án tài chính khi doanh thu thực tế thấp hơn 75% mức doanh thu trong phương án tài chính.*** |
| **III** | **Luật Hải quan (03 nội dung)** | | |
| 1 | Sửa đổi, bổ sung Điều 42 | **Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên**  1. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:  a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục;  b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định;  c) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp nối mạng với cơ quan hải quan;  d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng;  đ) Có hệ thống kiểm soát nội bộ;  e) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán.  2. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật này.  3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên.” | **Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên**  1. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:  a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục;  b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định;  c) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; ***phần mềm hoặc hệ thống***công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp ***kết nối hoặc chia sẻ*** với cơ quan hải quan;  d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng;  đ) Có hệ thống kiểm soát nội bộ;  e) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán.  ***2. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn, doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định tại điểm c, điểm d, đ và điểm e khoản 1 Điều này.***  ***Doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn, doanh nghiệp công nghệ cao quy định tại khoản này theo Thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ.***  3. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật này.  ***4. Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Luật này****.* Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên. |
| 2 | Sửa đổi, bổ sung Điều 43 | **Điều 43. Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp**  1. Miễn kiểm tra chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật.  2. Được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc kể từ ngày nộp chứng từ thay thế tờ khai hải quan, người khai hải quan phải nộp tờ khai hải quan hoàn chỉnh và các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan.  3. Được ưu tiên khi thực hiện thủ tục về thuế đối với hàng hóa theo quy định của pháp luật về thuế. | **Điều 43. Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp**  1. Miễn kiểm tra chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật.  2. Được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc kể từ ngày nộp chứng từ thay thế tờ khai hải quan, người khai hải quan phải nộp tờ khai hải quan hoàn chỉnh và các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan.  3. Được ưu tiên khi thực hiện thủ tục về thuế đối với hàng hóa theo quy định của pháp luật về thuế.  ***4. Riêng doanh nghiệp công nghiệp bán dẫn, doanh nghiệp công nghệ cao, chế độ ưu tiên được áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.***  ***Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành danh mục hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu quy định tại Khoản này thống nhất với mã số thuộc Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.*** |
| 3 | Bổ sung Điều 47a sau Điều 47 |  | ***Điều 47a. Quy định về kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ***  *1. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ là hàng hoá giao, nhận tại Việt Nam theo chỉ định của thương nhân nước ngoài theo hợp đồng mua bán, gia công, thuê mượn giữa các doanh nghiệp Việt Nam với thương nhân nước ngoài.*  *2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ phải làm thủ tục hải quan, chịu sự kiểm tra, giám sát hải quan.*  *3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này”.* |
| **IV** | **Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (01 nội dung)** | | |
| 1 | Sửa đổi, bổ sung khoản 21 Điều 16 | **Điều 16. Miễn thuế**  21. Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ. | **Điều 16. Miễn thuế**  21. ***Hàng hóa nhập khẩu để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bao gồm:***  a) Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.  ***b) Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Dự án đầu tư quy định tại điểm này bao gồm dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng. Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định quy định tại điểm này là hàng hóa được quy định tại điểm a, b và c khoản 11 Điều này.***  ***c) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất của tổ chức khoa học, công nghệ, tổ chức đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.*** |
| **V** | **Luật Đầu tư (11 nội dung)** | | |
| 1 | Bổ sung điểm a1 và a2 vào sau điểm a khoản 1 Điều 16 |  | **Điều 16. Ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư**  1. Ngành, nghề ưu đãi đầu tư bao gồm:  …  ***a1) Đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động 5G, 6G và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;***  ***a2) Đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;*** |
| 2 | Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Đầu tư | **Điều 20. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt**  2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:  a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư; trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; | **Điều 20. Ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đặc biệt**  2. Đối tượng áp dụng ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm:  a) Dự án đầu tư thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó) có tổng vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 1.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư, bao gồm: các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển; ***dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động 5G, 6G và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự án sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;***  ***a1)*** Dự án đầu tư ***thành lập mới (bao gồm cả việc mở rộng dự án thành lập mới đó)*** các trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; |
| 3 | Bổ sung điểm d vào sau điểm c khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư |  | **Điều 22. Đầu tư thành lập tổ chức kinh tế**  1. Nhà đầu tư thành lập tổ chức kinh tế theo quy định sau đây:  ***d) Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật này.*** |
| 4 | Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 4 Điều 29 | **Điều 29. Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư**  4. Đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp sau đây:  c) Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao; | **Điều 29. Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư**  4. Đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp sau đây:  c) Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu công nghệ cao, ***khu công nghệ số tập trung***; |
| 5 | Sửa đổi, bổ sung Điều 33: Hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư | **Điều 33. Hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư**  1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:  a) Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận;  b) Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư;  c) Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư;  d) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.  Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư;  đ) Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư;  e) Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;  g) Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC;  h) Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).  2. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm:  a) Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư;  b) Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).  Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.  3. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm:  a)[[14]](#footnote-14) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan;  b) Đánh giá nhu cầu sử dụng đất;  c) Đánh giá sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư; đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;  d) Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có);  đ) Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ;  e) Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị.  g)[[15]](#footnote-15) Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa và các điều kiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.  4. Nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư bao gồm:  a) Các nội dung thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này;  b) Khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư; khả năng đáp ứng điều kiện chuyển mục đích sử dụng đất đối với dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất;  c) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);  d) Các điều kiện khác đối với nhà đầu tư theo quy định của pháp luật có liên quan.  5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | **Điều 33. Hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư**  ***Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.*** |
| 6 | Sửa đổi, bổ sung Điều 34: Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội | **Điều 34. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội**  1. Hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật này được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.  2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.  3. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định quy định tại Điều 33 của Luật này để trình Chính phủ.  4. Chậm nhất là 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ lập và gửi hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội.  5. Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm:  a) Tờ trình của Chính phủ;  b) Hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này;  c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước;  d) Tài liệu khác có liên quan.  6. Nội dung thẩm tra đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm:  a) Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội;  b) Sự cần thiết thực hiện dự án đầu tư;  c) Sự phù hợp của dự án đầu tư với chiến lược, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan;  d) Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường;  đ) Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn;  e) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững của dự án đầu tư;  g) Cơ chế, chính sách đặc biệt, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).  7. Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra; giải trình về những vấn đề thuộc nội dung dự án đầu tư khi cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội yêu cầu.  8. Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chấp thuận chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này.  9. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước. | **Điều 34. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội**  ***1. Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước để tổ chức thẩm định dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội theo quy định tại Điều 30 Luật này.***  2. Nội dung thẩm tra đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư bao gồm:  a) Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội;  b) Sự cần thiết thực hiện dự án đầu tư;  c) Sự phù hợp của dự án đầu tư với chiến lược, quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị và quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt (nếu có) có liên quan;  d) Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án đầu tư, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường;  đ) Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn;  e) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững của dự án đầu tư;  g) Cơ chế, chính sách đặc biệt, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).  3. Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chấp thuận chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này.  4. Chính phủ quy định chi tiết ***hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư*** và trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước. |
| 7 | Sửa đổi, bổ sung Điều 35: Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ | **Điều 35. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ**  1. Hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật này được gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.  2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến nội dung thẩm định quy định tại Điều 33 của Luật này.  3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.  4. Trong thời hạn 40 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định hồ sơ và lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định quy định tại Điều 33 của Luật này, trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.  5. Thủ tướng Chính phủ xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này.  6. Đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật này, Thủ tướng Chính phủ chỉ định cơ quan đăng ký đầu tư của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho toàn bộ dự án.  7. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư. | **Điều 35. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ**  1. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.  2. Đối với dự án đầu tư quy định tại khoản 3 Điều 31 của Luật này, Thủ tướng Chính phủ chỉ định cơ quan đăng ký đầu tư của một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho toàn bộ dự án. |
| 8 | Sửa đổi, bổ sung Điều 36: Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh | **Điều 36. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**  1. Hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 33 của Luật này được gửi cho cơ quan đăng ký đầu tư.  Trong thời hạn 35 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký đầu tư phải thông báo kết quả cho nhà đầu tư.  2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan đến nội dung thẩm định quy định tại Điều 33 của Luật này.  3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định về nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình, gửi cơ quan đăng ký đầu tư.  4. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định gồm các nội dung thẩm định quy định tại Điều 33 của Luật này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  5. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.  6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư gồm các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3 của Luật này. | **Điều 36. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**  ***Chính phủ quy định chi tiết hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm định đối với dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.*** |
| 9 | Bổ sung điểm c vào sau điểm b khoản 1, bãi bỏ khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 4, khoản 5, khoản 6; sửa đổi, bổ sung khoản 12 Điều 36a: Thủ tục đầu tư đặc biệt | **Điều 36a. Thủ tục đầu tư đặc biệt**  2. Hồ sơ đăng ký đầu tư gồm tài liệu quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật này, trong đó văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư bao gồm cam kết đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định của pháp luật về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy; đề xuất dự án đầu tư bao gồm nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường và biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường thay thế cho đánh giá sơ bộ tác động môi trường.  3. Nội dung đánh giá hồ sơ bao gồm:  a) Sự phù hợp của dự án với lĩnh vực đầu tư tại khoản 1 Điều này;  b) Sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan;  c) Tư cách pháp lý và kinh nghiệm của nhà đầu tư;  d) Nhu cầu sử dụng đất (nếu có);  đ) Tiến độ thực hiện dự án;  e) Nội dung cam kết của nhà đầu tư;  g) Ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có).  4. Hồ sơ đăng ký đầu tư được gửi cho Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế đánh giá hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.  5. Trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên đề xuất dự án có đề nghị Nhà nước cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất tại một địa điểm, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế xem xét, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ đầu tiên và thông báo bằng văn bản cho các nhà đầu tư còn lại. Trường hợp nhà đầu tư nộp hồ sơ đầu tiên bị từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo nguyên tắc xem xét lần lượt hồ sơ của từng nhà đầu tư tiếp theo. Nhà đầu tư nước ngoài được thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư trước khi đăng ký đầu tư.  6. Việc điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án thực hiện theo quy định tương ứng tại khoản 4 Điều này.  12. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | **Điều 36a. Thủ tục đầu tư đặc biệt**  1. Trừ các dự án đầu tư quy định tại Điều 30 của Luật này, nhà đầu tư được quyền lựa chọn đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều này đối với dự án đầu tư tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu thương mại tự do và khu chức năng trong khu kinh tế trong các lĩnh vực sau đây:  ***c) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trung tâm dữ liệu lớn, hạ tầng điện toán đám mây, hạ tầng di động 5G, 6G và hạ tầng số khác trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; dự án sản xuất sản phẩm thuộc danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ;***  ***(được bãi bỏ)***  ***(được bãi bỏ)***  ***(được bãi bỏ)***  ***(được bãi bỏ)***  ***(được bãi bỏ)***  12. Chính phủ quy định chi tiết ***hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, điều chỉnh mục tiêu hoạt động của dự án theo thủ tục đặc biệt và các quy định tại*** Điều này. |
| 10 | Sửa đổi, bổ sung Điều 38: Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư | **Điều 38. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**  1. Cơ quan đăng ký đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại các điều 30, 31 và 32 của Luật này trong thời hạn sau đây:  a) 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;  b) 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của nhà đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này.  2. Đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại các điều 30, 31 và 32 của Luật này, nhà đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:  a) Dự án đầu tư không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh;  b) Có địa điểm thực hiện dự án đầu tư;  c) Dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Luật này;  d) Đáp ứng điều kiện về suất đầu tư trên một diện tích đất, số lượng lao động sử dụng (nếu có);  đ) Đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài.  3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. | **Điều 38. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**  ***Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.*** |
| 11 | Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1 và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 44 | **Điều 44. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư**  2. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư ngoài khu kinh tế không quá 50 năm. Dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc dự án đầu tư có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm thì thời hạn hoạt động của dự án đầu tư có thể dài hơn nhưng không quá 70 năm. | **Điều 44. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư**  ***1a. Thời hạn hoạt động của các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu sau đây không quá 70 năm:***  ***a) Khu công nghệ cao;***  ***b) Khu công nghiệp công nghệ cao;***  ***c) Khu công nghệ số tập trung.***  2. Thời hạn hoạt động của dự án đầu tư ngoài khu kinh tế không quá 50 năm. Dự án đầu tư thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc dự án đầu tư có vốn đầu tư lớn nhưng thu hồi vốn chậm; ***dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Luật này***thì thời hạn hoạt động của dự án đầu tư có thể dài hơn nhưng không quá 70 năm. |
| **VI** | **Luật Đầu tư công (31 nội dung)** | | |
| 1 | Bổ sung khoản 14a vào sau khoản 14; sửa đổi, bổ sung khoản 18; bổ sung khoản 20a sau khoản 20; sửa đổi, bổ sung khoản 22 Điều 4 | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  18. *Hoạt động đầu tư công* bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; nghiệm thu, bàn giao chương trình, quyết toán dự án đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công.  …  22*. Nợ đọng xây dựng cơ bản*là giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của chương trình, nhiệm vụ, dự án nhưng chưa được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, không bao gồm các dự án đầu tư công khẩn cấp. | **Điều 4. Giải thích từ ngữ**  Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:  ***14a. Dự án đầu tư công đặc biệt* là dự án đầu tư công thực hiện theo thông báo, kết luận, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị..**  18. *Hoạt động đầu tư công* bao gồm lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công; lập, thẩm định, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công; quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; nghiệm thu, **thanh toán,** quyết toán dự án đầu tư công; theo dõi và đánh giá, kiểm tra, thanh tra kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công.  …  **20a. *Nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng là* các hoạt động để đo đạc, kiểm đếm, xác định nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất.**  …  22. *Nợ đọng xây dựng cơ bản*là giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của chương trình, nhiệm vụ, dự án nhưng chưa được ***đưa vào*** kế hoạch đầu tư công trung hạn, không bao gồm các dự án đầu tư công khẩn cấp, ***dự án đầu tư công đặc biệt****.*. |
| 2 | Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 Điều 14 |  | **Điều 14. Nội dung quản lý nhà nước về đầu tư công**  ***5a. Kiểm điểm, kỷ luật, điều chuyển cán bộ theo quy định của Chính phủ.*** |
| 3 | Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 16 |  | **Điều 16. Chi phí lập, thẩm định, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công**  ***2a. Chi phí thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng được sử dụng từ nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn hợp pháp khác và thực hiện quyết toán trong giá trị tổng mức đầu tư của dự án.*** |
| 4 | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 17 | **Điều 17. Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công**  1. Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.  2. Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án không đúng thẩm quyền, không đúng với các nội dung về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công, vượt mức vốn đầu tư công của ngân sách cấp trên, vượt tổng mức đầu tư trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. Quyết định điều chỉnh tổng vốn đầu tư của chương trình, tổng mức đầu tư của dự án trái quy định của pháp luật. | **Điều 17. Các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công**  1. Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư không phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; không xác định được nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, ***trừ dự án quan trọng quốc gia, dự án đầu tư công đặc biệt***; không đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.  ***Phương án 1:***  2. Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án không đúng thẩm quyền, không đúng với các nội dung về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công, vượt mức vốn đầu tư công trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định.  ***Phương án 2:***  2. Quyết định đầu tư chương trình, dự án khi chưa được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định; quyết định đầu tư hoặc quyết định điều chỉnh chương trình, dự án không đúng thẩm quyền, không đúng với các nội dung về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công, vượt mức vốn đầu tư công của ngân sách cấp trên, trong chủ trương đầu tư đã được cấp có thẩm quyền quyết định. |
| 5 | Bãi bỏ khoản 3; sửa đổi, bổ sung khoản 4; sửa đổi, bổ sung khoản 5 và khoản 10 Điều 18 | **Điều 18. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án**  3. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án sau đây:  a) Dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Luật này;  b) Dự án nhóm A do Bộ, cơ quan trung ương quản lý có tổng mức đầu tư từ 10.000 tỷ đồng trở lên.  4. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cơ quan, tổ chức mình quản lý, trừ dự án quy định tại khoản 3 Điều này.  5. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sau đây:  a) Chương trình đầu tư công sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý;  b) Dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách địa phương các cấp, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hợp pháp của địa phương trên địa bàn tỉnh, dự án nhóm A thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án quy định tại khoản 3 Điều này.  10. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng quản trị của doanh nghiệp nhà nước quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C được giao nhiệm vụ đầu tư theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trừ dự án quy định tại khoản 3 Điều này. | **Điều 18. Thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án**  3. ***Được bãi bỏ***  4. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương quyết định chủ trương đầu tư ***chương trình sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài,*** dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C do cơ quan, tổ chức mình quản lý.  5. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án sau đây:  a) Chương trình đầu tư công sử dụng vốn ngân sách địa phương, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hợp pháp của địa phương thuộc cấp mình quản lý;  b) Dự án nhóm A sử dụng vốn ngân sách địa phương các cấp, bao gồm cả vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương, nguồn vốn hợp pháp của địa phương trên địa bàn tỉnh, dự án nhóm A thực hiện trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.  10. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty hoặc Hội đồng quản trị của doanh nghiệp nhà nước quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C được giao nhiệm vụ đầu tư theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. |
| 6 | Bổ sung điểm a1 vào sau điểm a, điểm c1 vào sau điểm c khoản 6 Điều 19 |  | **Điều 19. Điều kiện quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án**  6. Các nhiệm vụ, dự án không phải quyết định chủ trương đầu tư bao gồm:  …  ***a1. Nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng.***  …  ***c1. Dự án đầu tư công đặc biệt.*** |
| 7 | Sửa đổi, bổ sung khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 20 | **Điều 20. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia**  2. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Chủ tịch để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia.  …  5. Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia với nội dung chủ yếu sau đây:  …  b) Đối với dự án quan trọng quốc gia, bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, công nghệ chính (nếu có), địa điểm, thời gian thực hiện, cơ chế, giải pháp và chính sách thực hiện. | **Điều 20. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia**  2. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước ***do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ*** làm Chủ tịch để thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia. ***Việc thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước được phép thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án quan trọng quốc gia***.  …  5. Quốc hội xem xét, thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư đối với chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia với nội dung chủ yếu sau đây:  …  b) Đối với dự án quan trọng quốc gia, bao gồm: mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, địa điểm, thời gian thực hiện, cơ chế, giải pháp và chính sách thực hiện. |
| 8 | Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 22 | **Điều 22. Thủ tục và nội dung thẩm tra chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia**  2. Nội dung thẩm tra bao gồm:  a) Việc đáp ứng tiêu chí xác định chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia;  b) Sự cần thiết đầu tư chương trình, dự án;  c) Việc tuân thủ các quy định của pháp luật;  d) Sự phù hợp với chiến lược, phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;  đ) Những thông số cơ bản của chương trình, dự án, bao gồm mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, thời gian, tiến độ thực hiện, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường, nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay;  e) Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững;  g) Đánh giá mức độ rủi ro tại quốc gia đầu tư đối với dự án quan trọng quốc gia đầu tư tại nước ngoài. | **Điều 22. Thủ tục và nội dung thẩm tra chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia**  2. Nội dung thẩm tra bao gồm:  …  đ) Những thông số cơ bản của chương trình, dự án, bao gồm mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, thời gian, tiến độ thực hiện, giải pháp bảo vệ môi trường, nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay; |
| 9 | Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 | **Điều 23. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chính phủ**  2. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng liên ngành hoặc giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. | **Điều 23. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công thuộc thẩm quyền của Chính phủ**  2. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng liên ngành hoặc giao Bộ*,* ***cơ quan ngang Bộ*** chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư. ***Việc thành lập Hội đồng thẩm định được phép thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình***. |
| 10 | Bãi bỏ Điều 24 | **Điều 24. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư dự án nhóm A thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ**  1. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương và địa phương có trách nhiệm sau đây:  a) Giao cơ quan chuyên môn hoặc đơn vị trực thuộc,bao gồm cả đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;  b) Giao đơn vị, cơ quan có chức năng thẩm định hoặc thành lập Hội đồng để thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi;  c) Chỉ đạo đơn vị, cơ quan quy định tại điểm a khoản này hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi để trình Thủ tướng Chính phủ.  2. Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc giao cho một cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi làm cơ sở cho việc quyết định chủ trương đầu tư dự án.  Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc cơ quan chủ trì thẩm định được mời tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi hoặc yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn tổ chức, cá nhân có chuyên môn, kinh nghiệm tham gia thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.  3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn gửi Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc cơ quan chủ trì thẩm định.  4. Hội đồng thẩm định liên ngành hoặc cơ quan chủ trì thẩm định quy định tại khoản 2 Điều này gửi ý kiến thẩm định để Bộ, cơ quan trung ương và địa phương hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi trình Thủ tướng Chính phủ.  5. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư, bao gồm mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, địa điểm, thời gian thực hiện. | ***(được bãi bỏ)*** |
| 11 | Sửa đổi, bổ sung khoản 2; khoản 3; khoản 4; Bãi bỏ khoản 5 Điều 36 | **Điều 36. Phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án**  …  2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án sau đây:  a) Chương trình mục tiêu quốc gia;  b) Dự án quan trọng quốc gia;  c) Chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư;  d) Chương trình, dự án đầu tư công do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.  3. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cơ quan mình quản lý trong phạm vi tổng số vốn của kế hoạch đầu tư công trung hạn hiện hành, tổng mức vốn đầu tư công trung hạn dự kiến giai đoạn sau được Thủ tướng Chính phủ thông báo và nguồn vốn hợp pháp khác được cấp có thẩm quyền thông báo, bao gồm cả phần vốn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 93 của Luật này, trừ dự án quy định tại khoản 2 Điều này.  4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý trong phạm vi tổng số vốn đầu tư công trung hạn được Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp có thẩm quyền thông báo cho giai đoạn sau, tổng mức vốn đầu tư công trung hạn hiện hành được Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp quyết định cho địa phương và số vượt thu thực tế của ngân sách địa phương (nếu có) dành cho đầu tư phát triển, nguồn vốn hợp pháp khác, phần vốn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 93 của Luật này.  5. Đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền quy định tại các khoản 2, 3 và 4 của Điều này căn cứ quyết định phê duyệt đề xuất chương trình, dự án của Thủ tướng Chính phủ đối với vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, thư quan tâm hoặc văn bản cam kết của nhà tài trợ nước ngoài đối với vốn ODA không hoàn lại để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong phạm vi tổng số vốn của kế hoạch đầu tư công trung hạn hiện hành. Trường hợp dự án có thời gian thực hiện qua 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 93 của Luật này. | **Điều 36. Phân cấp thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn chương trình, dự án**  …  2. ***Các chương trình, dự án không phải thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn***:  a) Chương trình mục tiêu quốc gia;  b) Dự án quan trọng quốc gia;  ***c) Dự án đầu tư công đặc biệt (nếu cần);***  3. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cơ quan mình quản lý ***trong hạn mức theo quy định tại Điều 36a của Luật này***.  4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công thuộc cấp mình quản lý ***trong hạn mức theo quy định tại Điều 36a của Luật này***.    ***(được bãi bỏ)*** |
| 12 | Bổ sung Điều 36a sau Điều 36 |  | ***Điều 36a. Hạn mức để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn***  ***1. Đối với chương trình, dự án dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau:***  ***a) Trước khi cấp có thẩm quyền thông báo tổng mức vốn đầu tư công trung hạn của giai đoạn sau, căn cứ mức vốn của kế hoạch đầu tư công trung hạn của giai đoạn hiện hành được cấp có thẩm quyền giao, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đối với các chương trình, nhiệm vụ, dự án không vượt quá 200% mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn hiện hành đã được giao theo từng nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.***  ***b) Sau khi cấp có thẩm quyền thông báo dự kiến tổng mức vốn đầu tư công trung hạn của giai đoạn sau cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:***  ***- Trường hợp tổng mức vốn được thông báo lớn hơn hạn mức tại điểm a Khoản này, bộ, cơ quan trung ương và địa phương thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn bảo đảm tổng giá trị tổng mức đầu tư dự kiến thực hiện trong giai đoạn sau của các chương trình, nhiệm vụ, dự án không vượt quá tổng mức vốn được thông báo.***  ***- Trường hợp tổng mức vốn được thông báo thấp hơn hạn mức tại điểm a khoản này, bộ, cơ quan trung ương và địa phương sắp xếp thứ tự ưu tiên danh mục chương trình, nhiệm vụ, dự án theo quy định tại Điều 55 của Luật này.***  ***Các chương trình, nhiệm vụ, dự án đã được thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn và phê duyệt chủ trương đầu tư theo điểm a Khoản này nhưng vượt quá tổng mức vốn được thông báo thì được tiếp tục sử dụng chủ trương đầu tư đã được phê duyệt.***  ***2. Đối với chương trình, dự án dự kiến thực hiện trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn hiện hành, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn trong phạm vi tổng số vốn của kế hoạch đầu tư công trung hạn hiện hành được cấp có thẩm quyền giao và nguồn vốn hợp pháp khác được cấp có thẩm quyền thông báo.***  ***3. Trường hợp bộ, cơ quan trung ương và địa phương không được bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn này có nhu cầu phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án thực hiện trong giai đoạn sau, bộ, cơ quan trung ương và địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.***  ***4. Trường hợp bộ, cơ quan trung ương và địa phương có nhu cầu phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương có tổng giá trị tổng mức đầu tư vượt quá quy định tại khoản 1 Điều này, bộ, cơ quan trung ương và địa phương báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trên cơ sở khả năng cân đối chung.*** |
| 13 | Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 37 | **Điều 37. Điều chỉnh, dừng chủ trương đầu tư**  …  2. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án thực hiện trong trường hợp chương trình, dự án phát sinh thay đổi về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công, vượt mức vốn đầu tư công của ngân sách cấp trên, vượt tổng mức đầu tư chương trình, dự án so với nội dung tại chủ trương đầu tư chương trình, dự án. | **Điều 37. Điều chỉnh, dừng chủ trương đầu tư**  …  2. Việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án thực hiện trong trường hợp chương trình, dự án phát sinh thay đổi về mục tiêu, địa điểm, vượt mức vốn đầu tư công so với nội dung tại chủ trương đầu tư chương trình, dự án. |
| 14 | Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 40 | **Điều 40. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia**  …  2. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm Chủ tịch Hội đồng để thẩm định chương trình. | **Điều 40. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia**  …  2. Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước do Bộ trưởng, ***Thủ trưởng cơ quang ngang Bộ*** làm Chủ tịch Hội đồng để thẩm định chương trình. ***Việc thành lập Hội đồng thẩm định được phép thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình***. |
| 15 | Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 41 | **Điều 41. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư**  …  2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật này.  3. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, chủ chương trình hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và dự thảo quyết định đầu tư chương trình gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. | **Điều 41. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình đầu tư công do Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư**  …  2. Bộ, ***cơ quan ngang Bộ*** tổ chức thẩm định các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật này.  3. Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ, ***cơ quan ngang Bộ*** chủ chương trình hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình và dự thảo quyết định đầu tư chương trình**,** trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. |
| 16 | Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 43 | **Điều 43. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án**  1. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tưdự án quan trọng quốc gia được quy định như sau:  a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Quốc hội quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án báo cáo cơ quan chủ quản xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ;  b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước để thẩm định dự án;  c) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật này;  d) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án báo cáo cơ quan chủ quản thông qua, gửi Hội đồng thẩm định nhà nước;  đ) Hội đồng thẩm định nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đầu tư dự án. | **Điều 43. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án**  1. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án quan trọng quốc gia được quy định như sau:  a) Căn cứ chủ trương đầu tư đã được Quốc hội quyết định, chủ đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án báo cáo cơ quan chủ quản xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ;  b) Bộ, ***cơ quan ngang Bộ*** báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước để thẩm định dự án. ***Việc thành lập Hội đồng thẩm định được phép thực hiện đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án***;  c) Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 47 của Luật này;  d) Căn cứ ý kiến thẩm định, chủ đầu tư hoàn chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án báo cáo cơ quan chủ quản thông qua, ***trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đầu tư dự án***. |
| 17 | Bổ sung Điều 44a sau Điều 44 |  | ***Điều 44a. Trình tự lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng”***  ***1. Căn cứ nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền quyết định, cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ lập dự toán nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng, trình người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định;***  ***2. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng thẩm định hoặc giao cơ quan chuyên môn tổ chức thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng;***  ***3. Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chuyên môn thẩm định dự toán nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật;***  ***4. Căn cứ ý kiến thẩm định, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này hoàn chỉnh dự toán nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng, trình người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phê duyệt;***  ***5. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp được phân cấp cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng.*** |
| 18 | Bổ sung Điều 45a |  | ***Điều 45a. Trình tự, thủ tục quyết định đầu tư đối với dự án đầu tư công đặc biệt***  ***1. Căn cứ thông báo, kết luận, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc thực hiện dự án đầu tư công đặc biệt thuộc cấp mình quản lý.***  ***2. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo kinh tế - kỹ thuật và quyết định đầu tư dự án.***  ***3. Chủ đầu tư dự án được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư để tổ chức thực hiện dự án bảo đảm tiến độ, chất lượng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.*** |
| 19 | Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm i, điểm n, bổ sung điểm a1 khoản 4 Điều 54 | **Điều 54. Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án**  …  4. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư công được quy định như sau:  a) Dự án đầu tư công khẩn cấp;  …  i) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư;  …  n) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều này. | **Điều 54. Nguyên tắc bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án**  …  4. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn đầu tư công được quy định như sau:  ***a) Dự án đầu tư công đặc biệt***;  ***a1. Dự án đầu tư công khẩn cấp;***  …  i) Nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, ***nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng***;  …  n) Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều này ***và nguyên tắc, tiêu chí được cấp có thẩm quyền quyết định***. |
| 20 | Sửa đổi, bổ sung Điều 55 | **Điều 55. Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn**  Chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:  1. Dự án chuyển tiếp thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;  2. Chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư;  3. Nhiệm vụ, dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 19 của Luật này;  4. Đối tượng quy định tại các khoản 4, 6 và 7 Điều 5 của Luật này;  5. Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 5 của Luật này trong trường hợp đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật có liên quan. | **Điều 55. Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn**  Chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác được đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn phải bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công, ***phù hợp với tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn được cấp có thẩm quyền giao*** và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:  1. Dự án chuyển tiếp thuộc danh mục của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước;  2. Chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư;  3. Nhiệm vụ, dự án thuộc đối tượng quy định tại khoản 6 Điều 19 của Luật này;  4. Đối tượng quy định tại các khoản 4, 6 và 7 Điều 5 của Luật này;  5. Đối tượng quy định tại khoản 8 Điều 5 của Luật này trong trường hợp đáp ứng điều kiện theo quy định của pháp luật có liên quan. |
| 21 | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và bổ sung khoản 3a sau khoản 3 Điều 56 | **Điều 56. Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm**  1. Chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn*,*trừ dự án đầu tư công khẩn cấp, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại.  2. Chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác đã được cấp có thẩm quyền quyết địnhtheo quy định của pháp luật.  3. Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán. | **Điều 56. Điều kiện để chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm**  1. Chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn*,*trừ dự án đầu tư công khẩn cấp, ***dự án đầu tư công đặc biệt***, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA không hoàn lại.  2. Chương trình, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác đã được cấp có thẩm quyền quyết địnhtheo quy định của pháp luật.  3. Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán.  ***3a. Nhiệm vụ giải phóng mặt bằng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán.*** |
| 22 | Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 57 | **Điều 57. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án**  …  2. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án được quy định như sau:  a) Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội;  b) Dự án nhóm A không quá 06 năm;  c) Dự án nhóm B không quá 04 năm;  d) Dự án nhóm C không quá 03 năm. | **Điều 57. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án**  …  2. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án được quy định như sau:  a) Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia thực hiện theo nghị quyết của Quốc hội;  b) Dự án nhóm A không quá **05** năm;  c) Dự án nhóm B không quá **03** năm;  d) Dự án nhóm C không quá **02** năm. |
| 23 | Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 Điều 58 |  | **Điều 58. Vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và vốn thực hiện dự án**  …  ***2a. Vốn thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị giải phóng mặt bằng được bố trí để đo đạc, kiểm đếm, xác định nguồn gốc đất và hiện trạng sử dụng đất.*** |
| 24 | Bãi bỏ khoản 1  (ii) Bãi bỏ khoản 2.  (iii) Bãi bỏ khoản 3.  (iv) Bãi bỏ khoản 5.  (v) Sửa đổi, bổ sung khoản 7; khoản 8  (vi) Bổ sung khoản 8a Điều 59 | **Điều 59. Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước**  1. Trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.  2. Trước ngày 31 tháng 7 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê duyệt nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn sau.  3. Trước ngày 30 tháng 9 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Thủ tướng Chính phủ thông báo tổng mức vốn đầu tư công dự kiến bằng tổng mức vốn đầu tư công của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương để làm căn cứ quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án giai đoạn sau.  4. Trước ngày 31 tháng 12 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn, Chính phủ dự kiến khả năng cân đối ngân sách nhà nước cho chi đầu tư phát triển trong giai đoạn sau cho từng Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, Thủ tướng Chính phủ thông báo tổng mức vốn đầu tư công của giai đoạn sau cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.  5. Trước ngày 31 tháng 01 năm thứ năm của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 52 của Luật này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.  6. Tại kỳ họp cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội, Chính phủ trình Quốc hội dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau để Quốc hội cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 52 của Luật này.  7. Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội khóa trước, Chính phủ trình Quốc hội khóa mới tại kỳ họp thứ nhất các nội dung theo quy định tại Điều 52 của Luật này. Quốc hội xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn bao gồm các nội dung sau đây:  a) Mục tiêu, định hướng đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước của cả nước;  b) Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương;  c) Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực, dự kiến mức phân bổ cho từng Bộ, cơ quan trung ương và mức vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương.  Đối với số vốn còn lại chưa phân bổ của kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định, báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất;  d) Danh mục và mức vốn của các dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia;  đ) Giải pháp, chính sách chủ yếu để thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn.  8. Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm tổng số vốn và cơ cấu vốn ngân sách trung ương cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; danh mục, mức vốn của các chương trình, dự án đầu tư công, tổng mức vốn cho nhiệm vụ quy hoạch, tổng mức vốn cho nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, đối tượng đầu tư công khác sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương. | **Điều 59. Trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước**  ***(được bãi bỏ)***  ***(được bãi bỏ)***  ***(được bãi bỏ)***  ***(được bãi bỏ)***  c) Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương, *định hướng theo* ngành, lĩnh vực, dự kiến mức phân bổ cho từng Bộ, cơ quan trung ương và mức vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương.  Đối với số vốn còn lại chưa phân bổ của kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương, Chính phủ quyết định, báo cáo Quốc hội tại báo cáo đánh giá cuối kỳ trung hạn;  8. Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, bao gồm ***mục tiêu****,* ***tổng số vốn***,cơ cấu vốn ngân sách trung ương cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; ***danh mục dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương*.**  ***8a. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương cho các nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, bảo đảm mục tiêu, tổng số vốn ngân sách trung ương và danh mục dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.*** |
| 25 | Bãi bỏ khoản 2; sửa đổi, bổ sung khoản 3; khoản 4; khoản 5, khoản 6 Điều 71 | **Điều 71. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công**  …  2. Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn hằng năm đã được Quốc hội quyết định.  3. Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong các trường hợp sau đây:  a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp không vượt tổng mức vốn trung hạn đã được Quốc hội quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất;  b) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nội bộ và giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong tổng mức vốn trung hạn của từng Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã được Quốc hội quyết định.  4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:  a) Báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương;  b) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương; điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nội bộ và giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.  5. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương có thẩm quyền và trách nhiệm sau đây:  a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương giữa các dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được cấp có thẩm quyền quyết định nhưng không vượt quá tổng mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch;  b) Gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương.  6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền và trách nhiệm sau đây:  a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu thuộc quản lý của cấp mình nhưng không vượt quá tổng mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch đầu tư công trung hạn, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất;  b) Gửi báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu. | **Điều 71. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công**  …  ***(được bãi bỏ)***  3. Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn ***và hằng năm*** vốn ngân sách trung ương trong các trường hợp sau đây:  a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn ***và hằng năm*** vốn ngân sách trung ương giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp không vượt tổng mức vốn trung hạn ***và hằng năm*** đã được Quốc hội quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất**.**  ***Thủ tướng Chính phủ xem xét,******quyết định cắt giảm, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm của Bộ, cơ quan trung ương và địa phương để bổ sung vốn cho các dự án giải ngân tốt, cần bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ****;*  b) Điều chỉnh ***mục tiêu, danh mục dự án thuộc*** kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương ***của*** các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.  4. Bộ ***Tài chính*** có trách nhiệm ***báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách trung ương quy định tại khoản 3 Điều này.***  ***Đối với kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách trung ương hằng năm, Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch vốn giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương:***  ***a) Điều chỉnh kế hoạch vốn chưa phân bổ chi tiết của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch;***  ***b) Điều chỉnh kế hoạch vốn của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 30 tháng 6, ngày 30 tháng 9 và ngày 30 tháng 11 năm kế hoạch.***  5. Người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương có thẩm quyền và trách nhiệm sau đây:  ***a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giữa các dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác, bảo đảm không làm thay đổi về mục tiêu, danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương.***  ***b****)* Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương giữa các dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn đã được quyết định nhưng không vượt quá tổng mức vốn đã được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch;  c) Báo cáo cho Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu.  6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền và trách nhiệm sau đây:  ***a) Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giữa các dự án, nhiệm vụ, đối tượng đầu tư công khác, bảo đảm không làm thay đổi về mục tiêu, danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương.***  ***b****)* Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu thuộc quản lý của cấp mình nhưng không vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn, báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại kỳ họp gần nhất;  c) Báo cáo cho Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi đối với vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu. |
| 26 | Bãi bỏ khoản 3 Điều 82 | **Điều 82. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**  …  3. Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn hằng năm đã được Quốc hội quyết định. | ***(được bãi bỏ)*** |
| 27 | Sửa đổi, bổ sung khoản 4; bãi bỏ khoản 8 Điều 83 | **Điều 83. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ**  …  4. Quy định việc quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng; quy định việc quản lý thực hiện chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.  …  8. Lập và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm trong trường hợp không thay đổi tổng mức vốn hằng năm đã được Quốc hội quyết định. | **Điều 83. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ**  …  4. Quy định việc quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch, ***nhiệm vụ giải phóng mặt bằng***, dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng; quy định việc quản lý thực hiện chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài  ***(được bãi bỏ)*** |
| 28 | Sửa đổi, bổ sung khoản 4; Bãi bỏ khoản 5 Điều 84 | **Điều 84. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ**  …  4. Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp không vượt tổng mức vốn trung hạn đã được Quốc hội quyết định.  …  5. Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương trong nội bộ và giữa các ngành, lĩnh vực, chương trình của các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong tổng mức vốn trung hạn của từng Bộ, cơ quan trung ương và địa phương đã được Quốc hội quyết định. | **Điều 84. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ**  …  4. Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn ***và hằng năm*** vốn ngân sách trung ương giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp không vượt tổng mức vốn trung hạn ***và hằng năm*** đã được Quốc hội quyết định  ***(được bãi bỏ)*** |
| 29 | Bổ sung khoản 8a sau khoản 8 Điều 87 |  | **Điều 87. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ, cơ quan trung ương**  …  ***8a. Kiểm điểm, kỷ luật, điều chuyển cán bộ thuộc đơn vị chủ đầu tư, Ban quản lý dự án trực thuộc thực hiện kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, dự án không bảo đảm tiến độ theo quy định của Chính phủ.*** |
| 30 | Bãi bỏ điểm b khoản 2; bổ sung khoản 7a sau khoản 7 Điều 89 | **Điều 89. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**  2. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh các nội dung sau đây:  …  b) Xem xét, có ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật này; | **Điều 89. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**  ***(được bãi bỏ)***  ***7a. Kiểm điểm, kỷ luật, điều chuyển cán bộ thuộc đơn vị chủ đầu tư, Ban quản lý dự án trực thuộc thực hiện kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ, dự án không bảo đảm tiến độ theo quy định của Chính phủ.*** |
| 31 |  | **Đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài** | ***Phương án 1: Bỏ đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài thì quy định khoản 31***  31. Bãi bỏ khoản 17 Điều 4, khoản 1 Điều 58, Điều 63, điểm a khoản 1 Điều 66.  ***Phương án 2:*** ***Giữ*** ***đề xuất chương trình, dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài thì không quy định khoản 31.*** |
| **VI** | **Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (04 nội dung)** | | |
| 1 | Sửa đổi, bổ sung Điều 1 | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Luật này quy định về quản lý nhà nước đối với tài sản công; chế độ quản lý, sử dụng tài sản công; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công.  Đối với tài sản công là tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan. | **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**  Luật này quy định về quản lý nhà nước đối với tài sản công; chế độ quản lý, sử dụng tài sản công; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng tài sản công.  Đối với tài sản công là tiền thuộc ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, dự trữ ngoại hối nhà nước được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật có liên quan.  ***Việc quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ.*** |
| 2 | Sửa đổi, bổ sung khoản 10 Điều 3 | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  10. *Dự án sử dụng vốn nhà nước* là các chương trình, dự án, đề án đầu tư phát triển, nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh. | **Điều 3. Giải thích từ ngữ**  10. *Dự án sử dụng vốn nhà nước* là các chương trình, dự án, đề án đầu tư phát triển, vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài, vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối ngân sách nhà nước, vốn từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, vốn tín dụng do Chính phủ bảo lãnh. |
| 3 | Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 15 | **Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính**  2. Chủ trì xây dựng, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật  ...  c) Chế độ quản lý tài chính đối với đất đai, tài nguyên; chế độ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại doanh nghiệp; chế độ quản lý, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước và tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. | **Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính**  2. Chủ trì xây dựng, trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật  ...  c) Chế độ quản lý tài chính đối với đất đai, tài nguyên; chế độ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại doanh nghiệp; chế độ quản lý, sử dụng tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước. |
| 4 | Bãi bỏ Điều 105 | **Điều 105. Quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước**  1. Tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước bao gồm:  a) Tài sản được trang bị để triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;  b) Tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.  2. Việc trang bị tài sản để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải phù hợp với nhiệm vụ được giao, dự toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản phải được sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, được hạch toán, báo cáo, bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật.  3. Việc xử lý tài sản được trang bị để triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:  a) Giao hoặc bán cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ để phát huy kết quả của nhiệm vụ hoặc sử dụng tài sản để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;  b) Trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ không nhận hoặc không mua thì được xử lý theo một trong các hình thức: điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy. Việc điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy được thực hiện theo quy định tại các điều 42, 43, 45 và 46 của Luật này.  4. Việc xử lý tài sản là kết quả của việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau:  a) Giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu cho tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ để phát huy kết quả của nhiệm vụ hoặc sử dụng tài sản để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;  b) Giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật trong trường hợp tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ không có nhu cầu hoặc không có khả năng thực hiện thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.  5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. | ***Được bãi bỏ*** |
|  | Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 33 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15 | Điều 33 Luật Nhà ở năm 2023  **Điều 33. Yêu cầu đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở**  3. Dự án đầu tư xây dựng nhà ở quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 1 Điều 30 của Luật này phải tuân thủ yêu cầu quy định tại khoản 1 Điều này và yêu cầu sau đây:  …  b) Phải xác định trong chủ trương đầu tư dự án trách nhiệm đầu tư, xây dựng và quản lý, sử dụng sau đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội của dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về xây dựng; | **Điều 8. Hiệu lực thi hành**  2. Bãi bỏ điểm b khoản 3 Điều 33 của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15. |

1. Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-1)
2. Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-2)
3. Đoạn mở đầu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-4)
5. Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-5)
6. Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-6)
7. Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-7)
8. Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-8)
9. Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-9)
10. Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-10)
11. Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-11)
12. Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 3 của Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. [↑](#footnote-ref-12)
13. Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 84 Luật Đường bộ năm 2024 [↑](#footnote-ref-13)
14. Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu năm 2024 [↑](#footnote-ref-14)
15. Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự năm 2022 [↑](#footnote-ref-15)